

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2012

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2012

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan Anh

Mã SV: 120144

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

- 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**
 - Khái quát được lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.
 - Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng. Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
- 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

Số liệu năm 2011 tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

- 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Lan Anh

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu
- Tuân thủ nguyên tắc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận : Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu
- Về mặt thực tế : Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển.

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nên trong thời gian thực tập tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng”**.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

+ Khái niệm:

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...
- Thu phí quản lý do cấp dưới nộp lên.

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ hoặc tiêu dung nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .
- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hóa), cung cấp dịch vụ.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \frac{\text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

Khái niệm:

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ngắn hạn, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

▪ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán

- Các khoản chi phí khác

▪ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{thuế suất thuế TNDN}$

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

📊 **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính

ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

🚦 **Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:**

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :*

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{DN} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính*

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập khác} \\ \text{Chi phí khác} \end{array}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và

xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng

như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành

giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định

trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiên.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

+ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

+ Tài khoản sử dụng:

❖ TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

- ✓ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 5 tài khoản cấp 2:
 - *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá*
 - *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*
 - *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
 - *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
 - *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;- K/C doanh thu thuần vào TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh".	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":

- ✓ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
 - Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ Kết cấu của TK 512

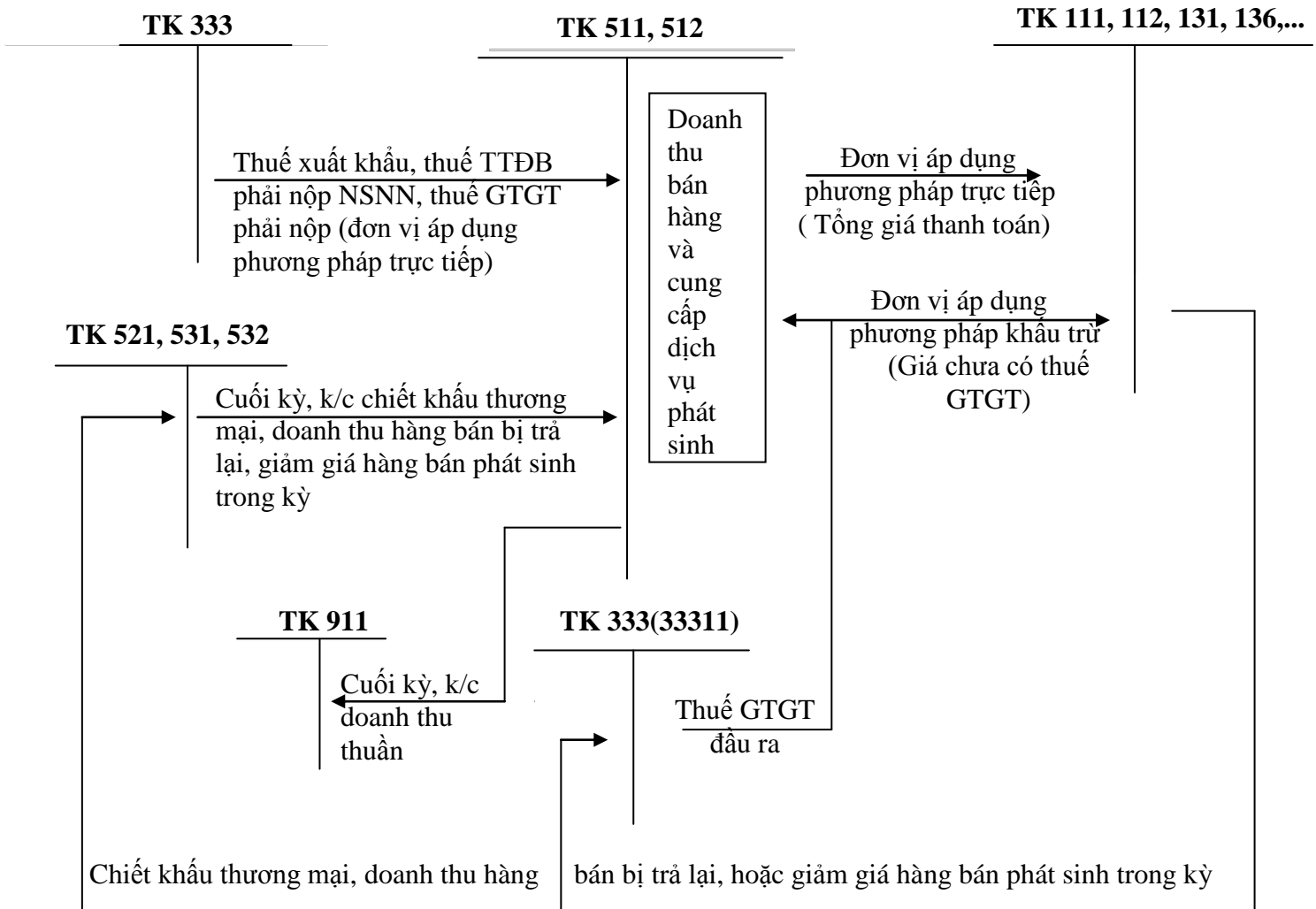
Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng SP, HH, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;- Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh ".		Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

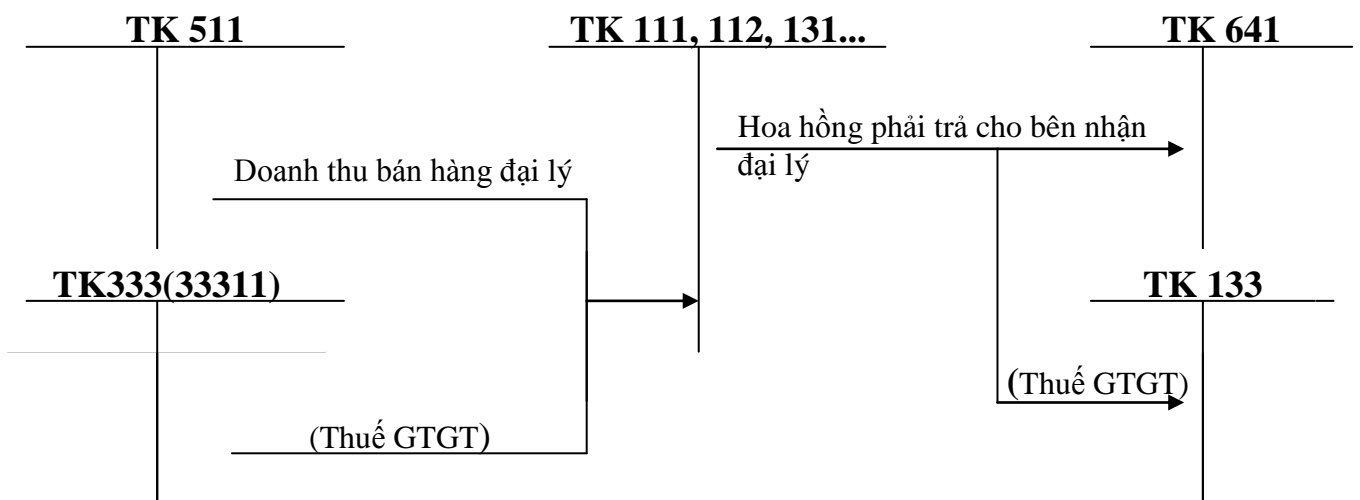
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

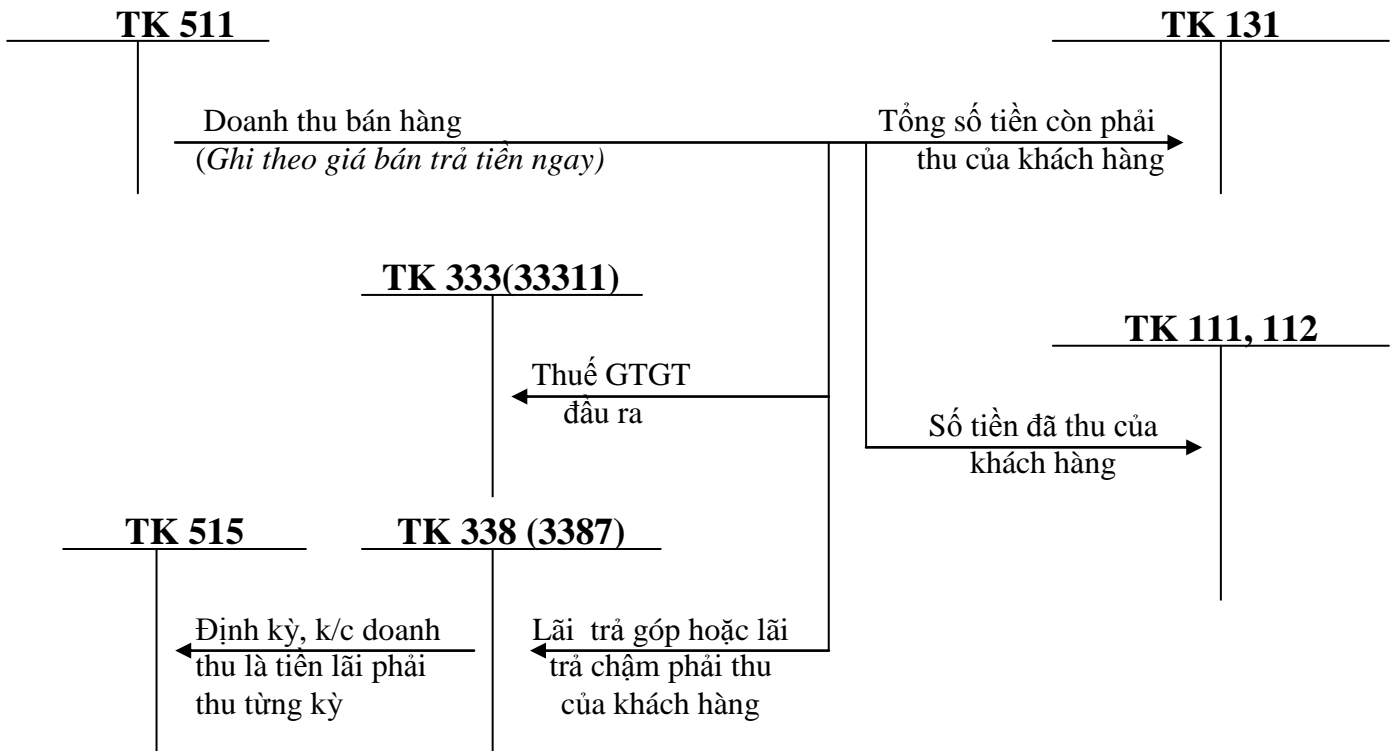


Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

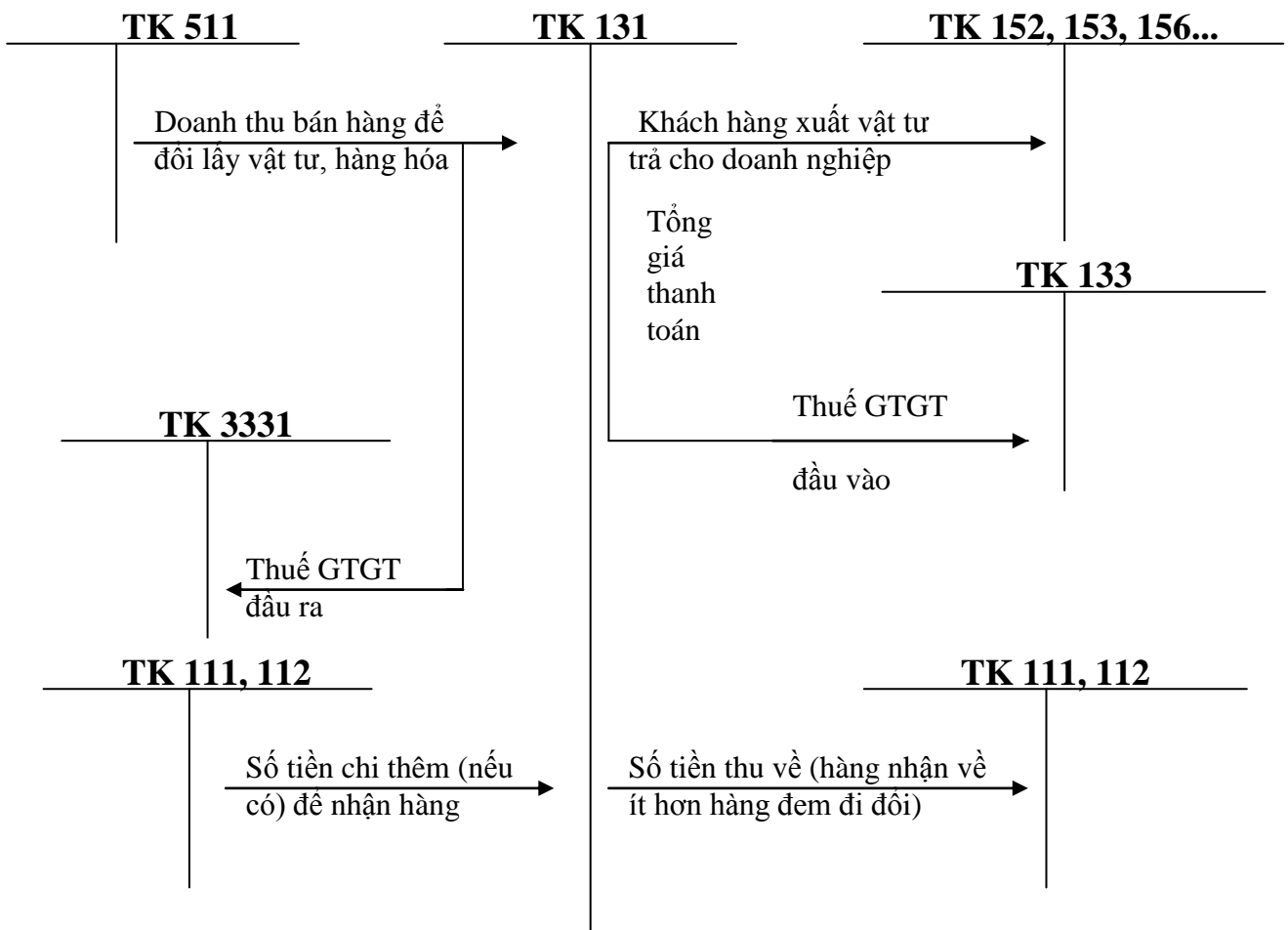


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

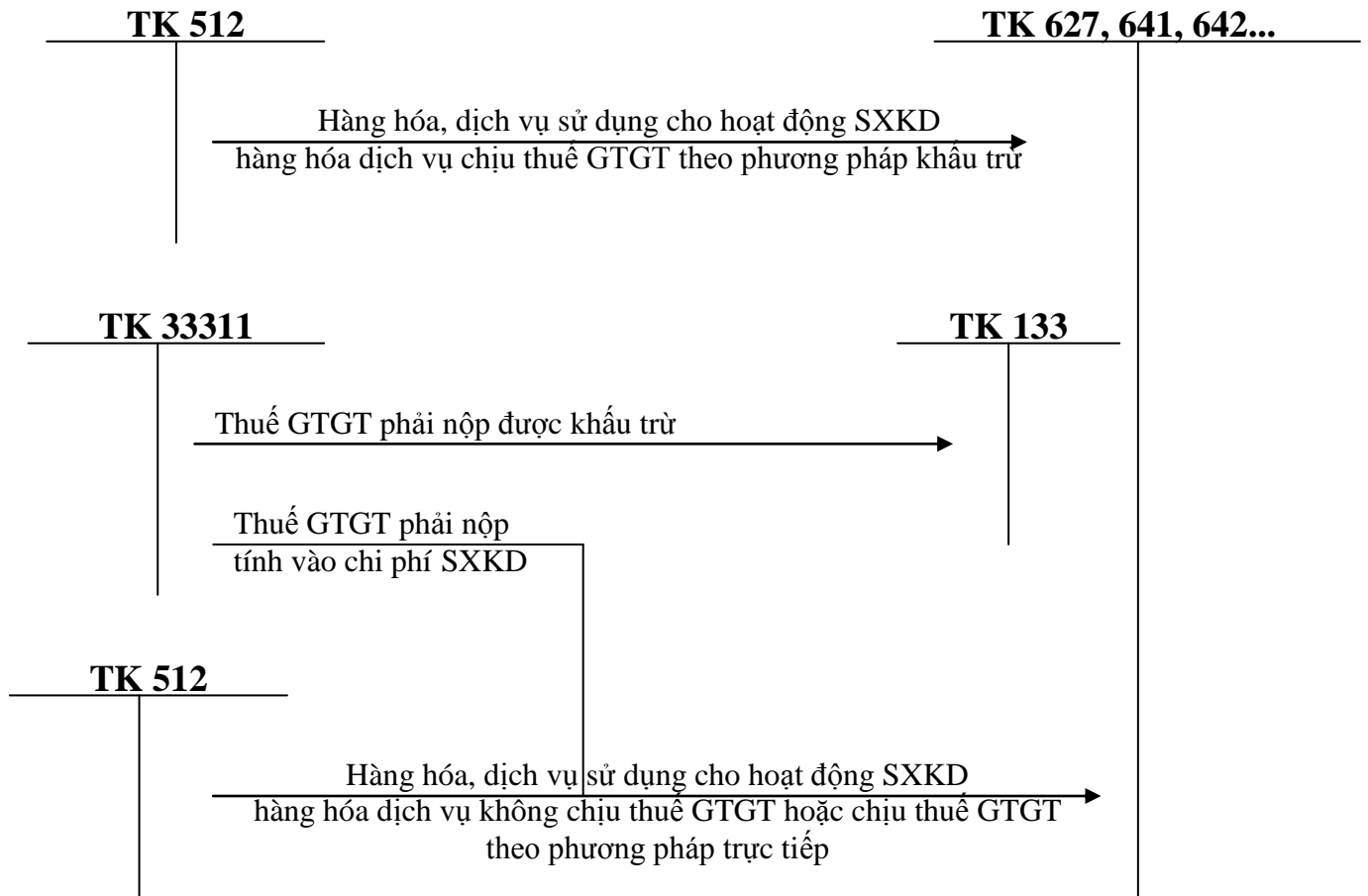


Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng




KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5 : Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

 **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

 **Tài khoản sử dụng**

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

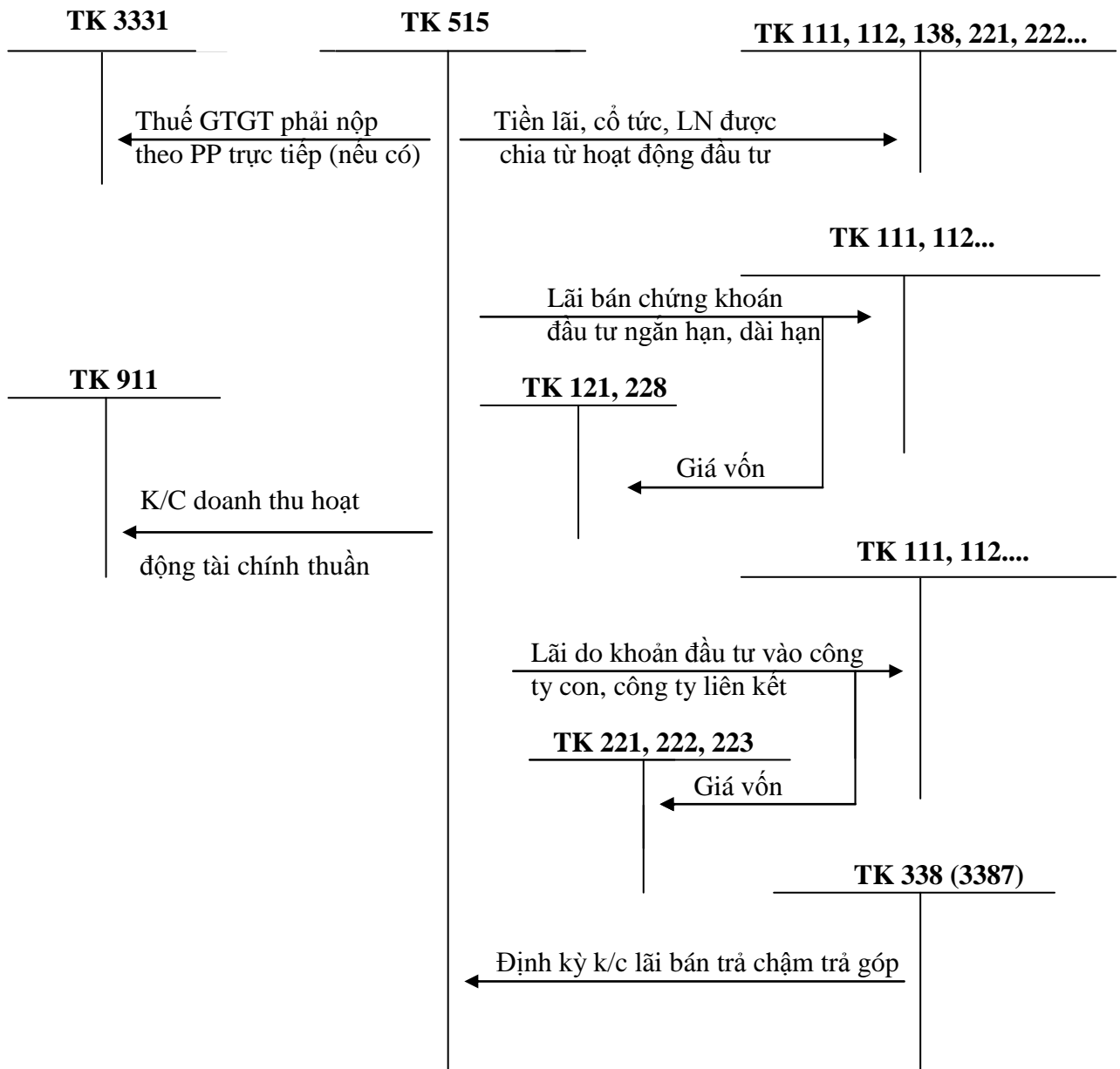
➤ Kết cấu của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;- Chiết khấu thanh toán được hưởng;- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1. 6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 711 " Thu nhập khác"

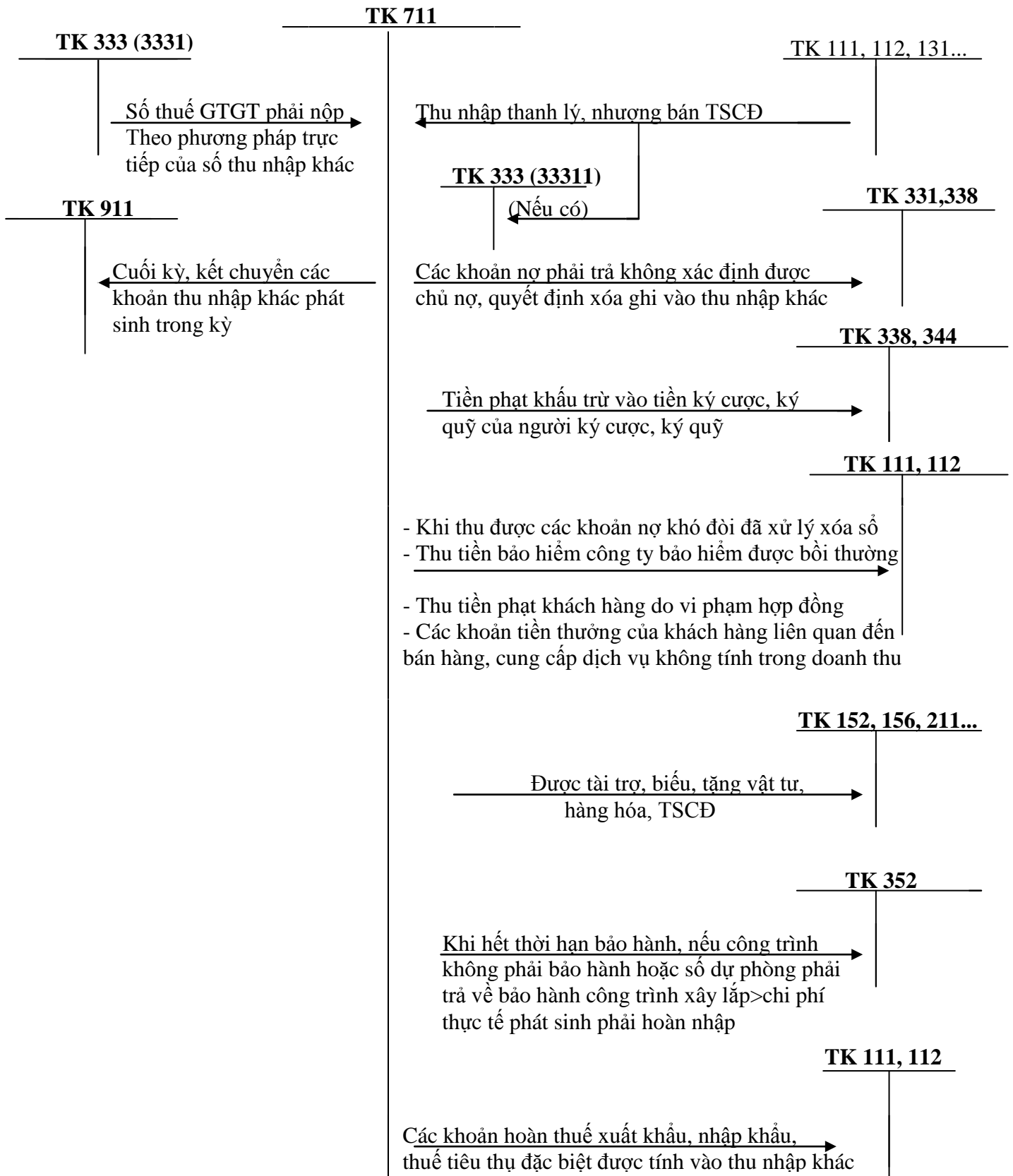
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

✚ Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại"**

- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ
- Kết cấu của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 531 "Hàng bán bị trả lại"**

- Kết cấu của TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

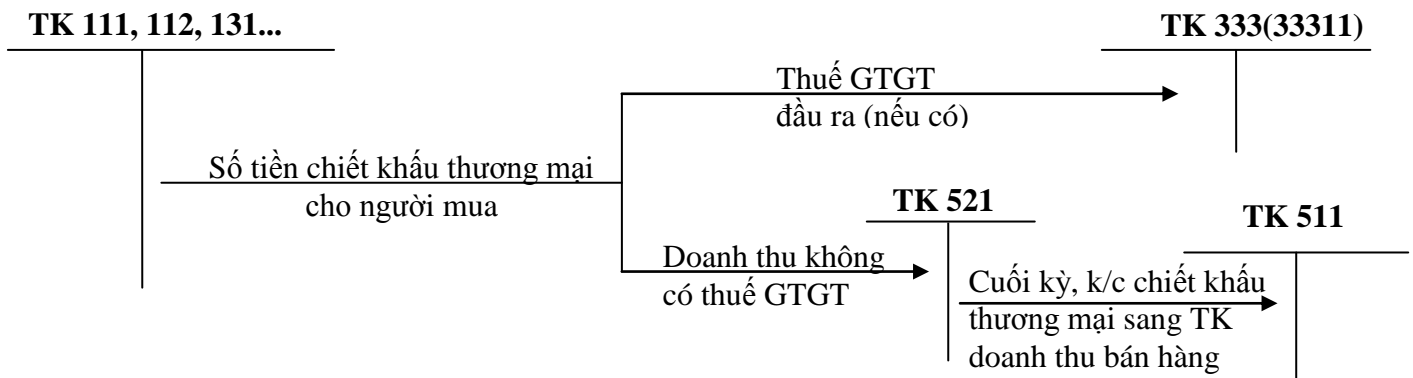
- ✓ Kết cấu của TK 532

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

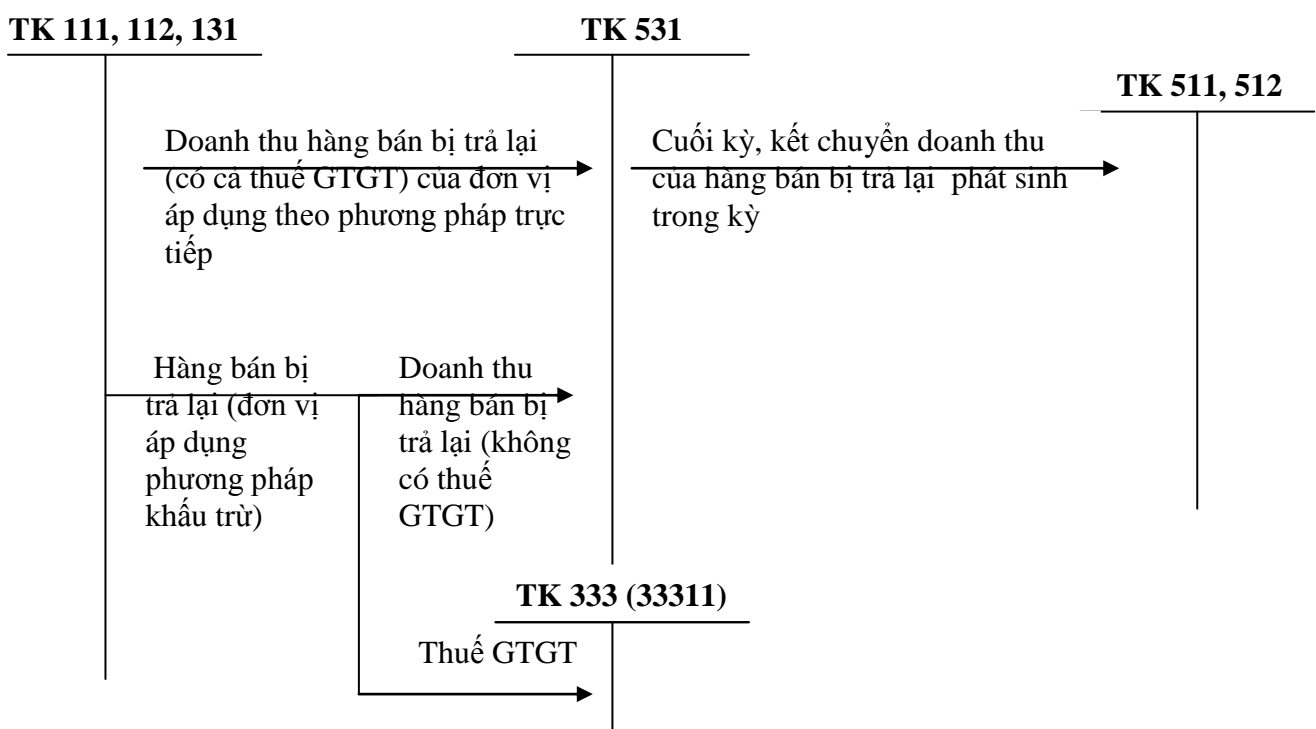
TK 532 không có số dư cuối kỳ

✚ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại

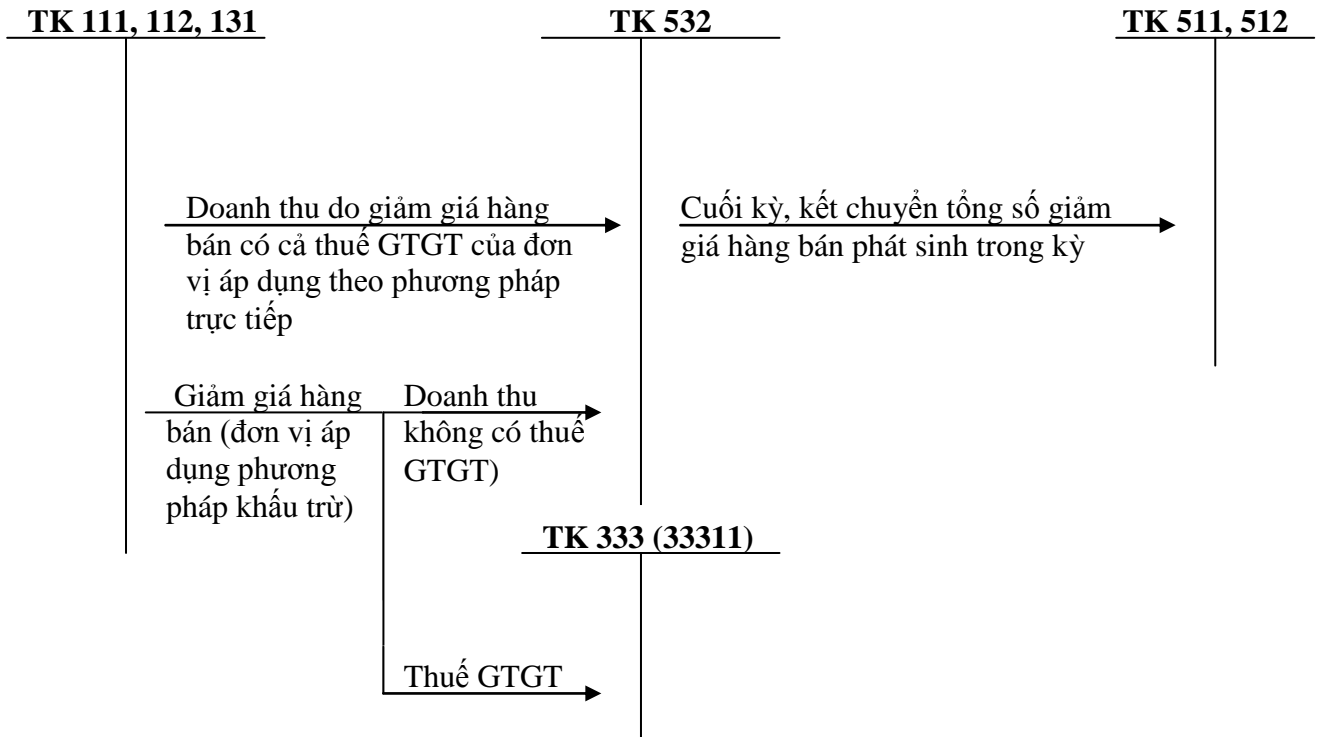


Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

❖ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

- Phương pháp bình quân gia quyền:
- + Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- + Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu nội dung TK 632:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none">- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:+ Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ;+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
	TK 632 không có số dư cuối kỳ	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

② *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :*

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất"

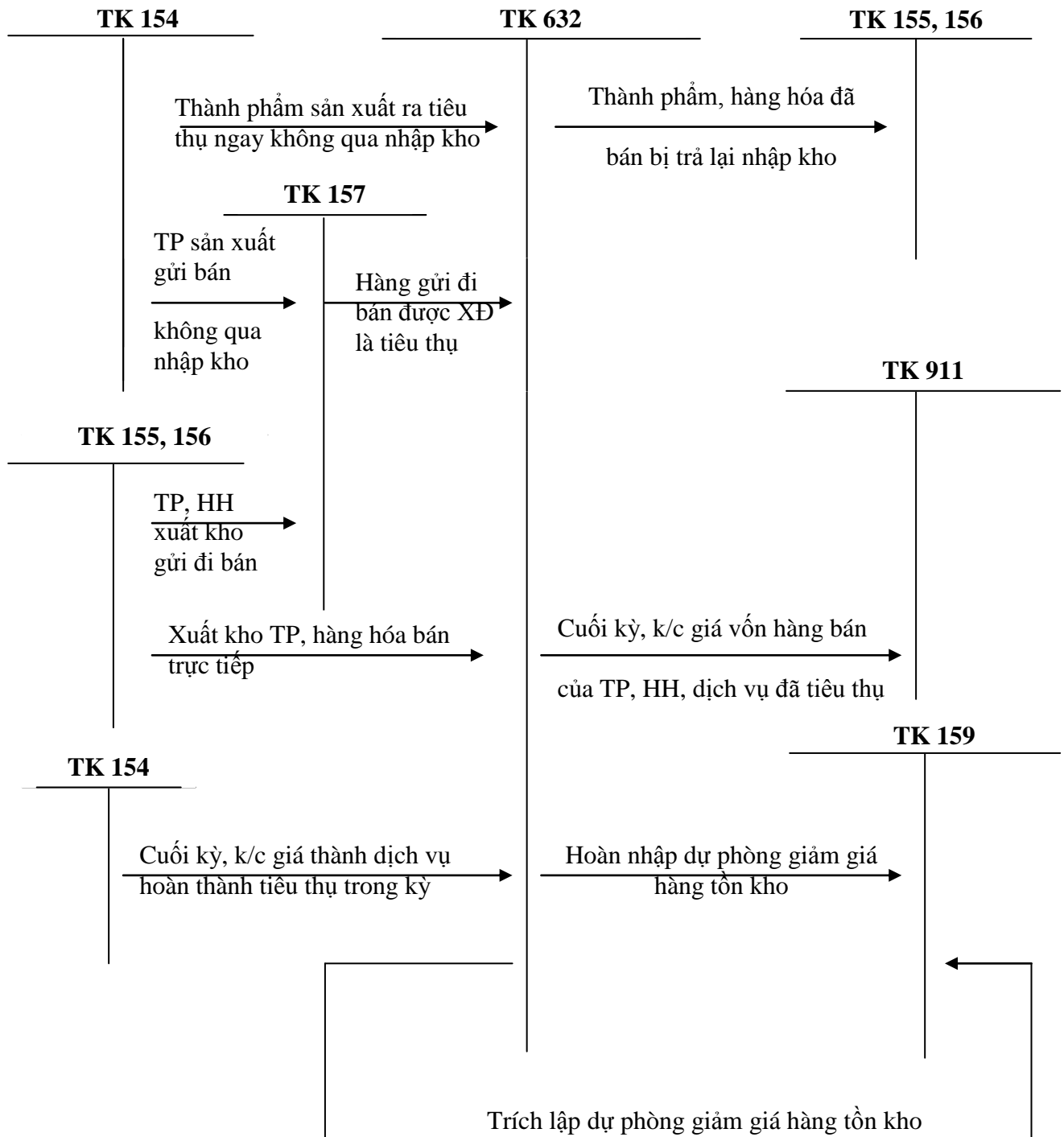
Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ; - K/C giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

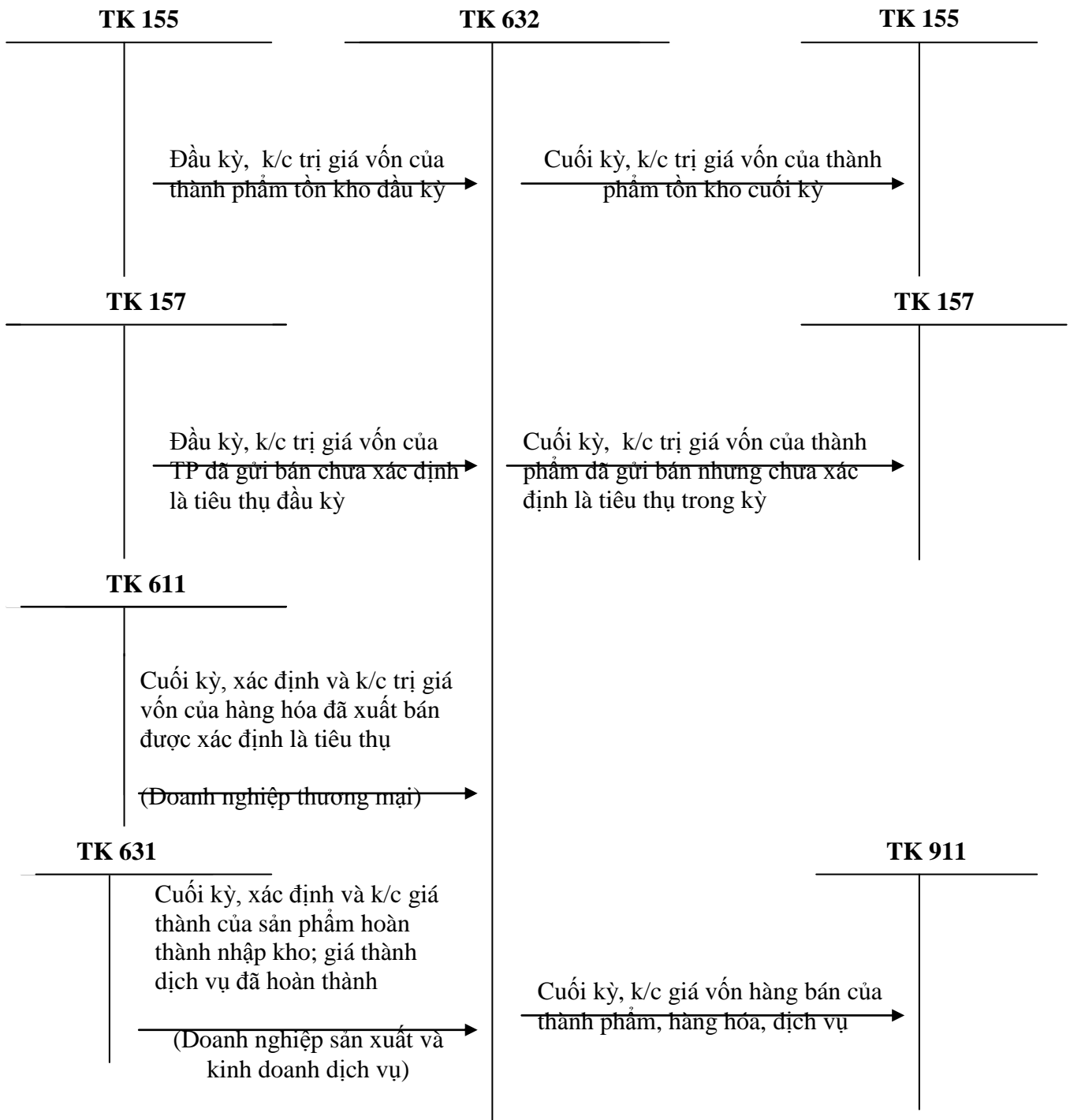
❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.12 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 641 "Chi phí bán hàng"

✓ Các TK cấp 2:

- + *Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên*
- + *Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì*
- + *Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng*
- + *Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ*
- + *Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành*
- + *Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài*
- + *Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác*

➤ TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 641, 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

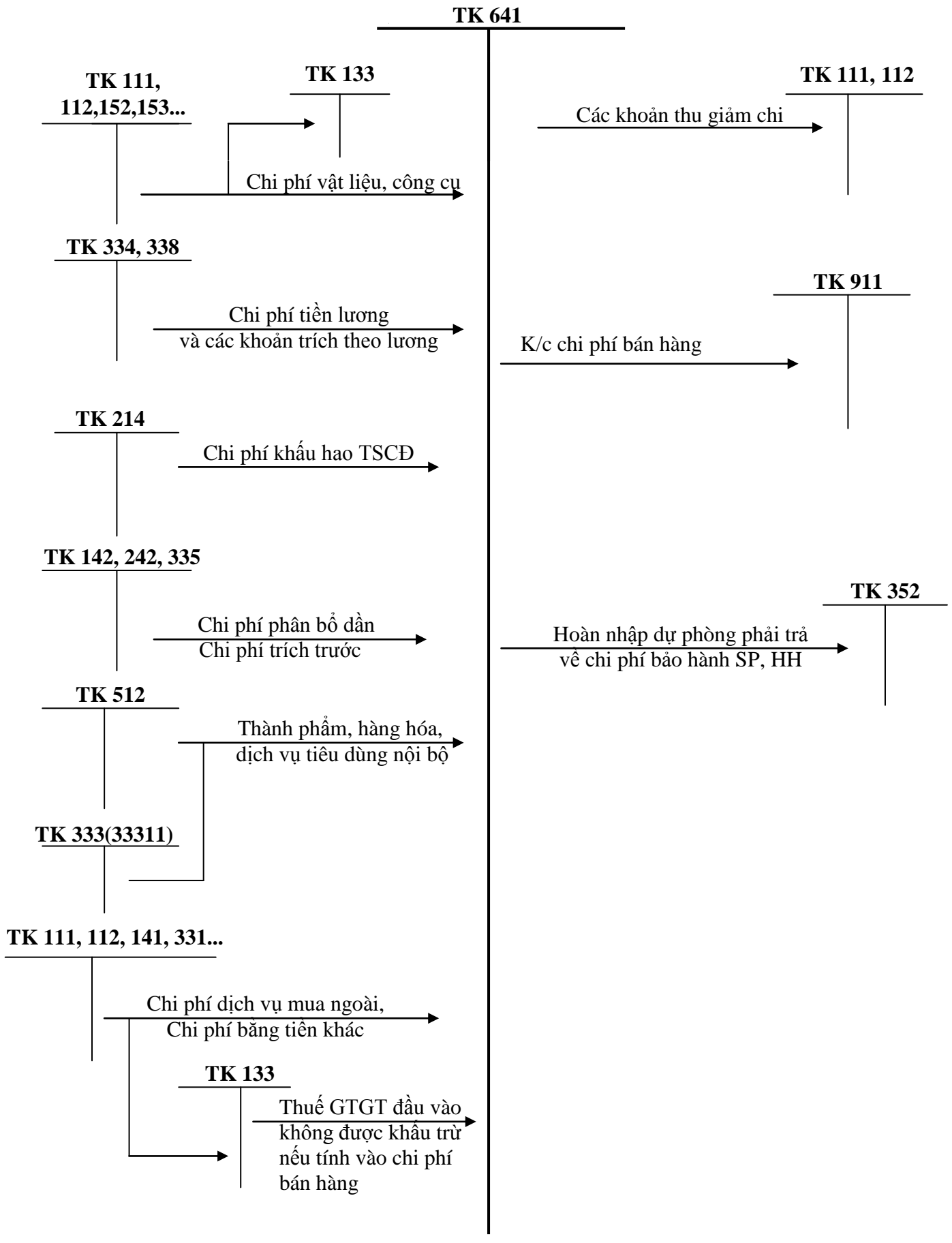
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

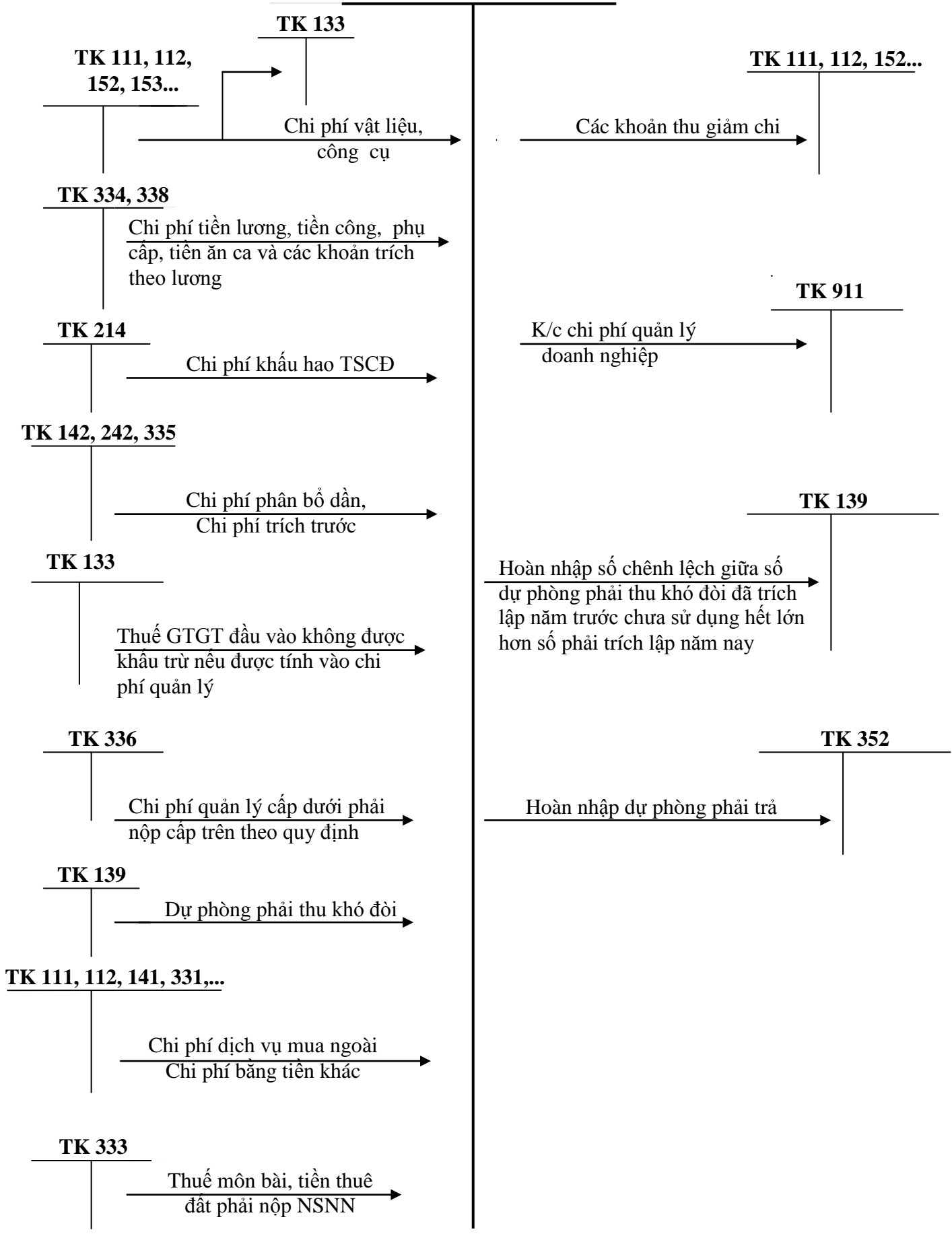
Sơ đồ 1.13 : Kế toán chi phí bán hàng



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 642



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 635: Chi phí tài chính**

- ✓ Kết cấu của TK 635

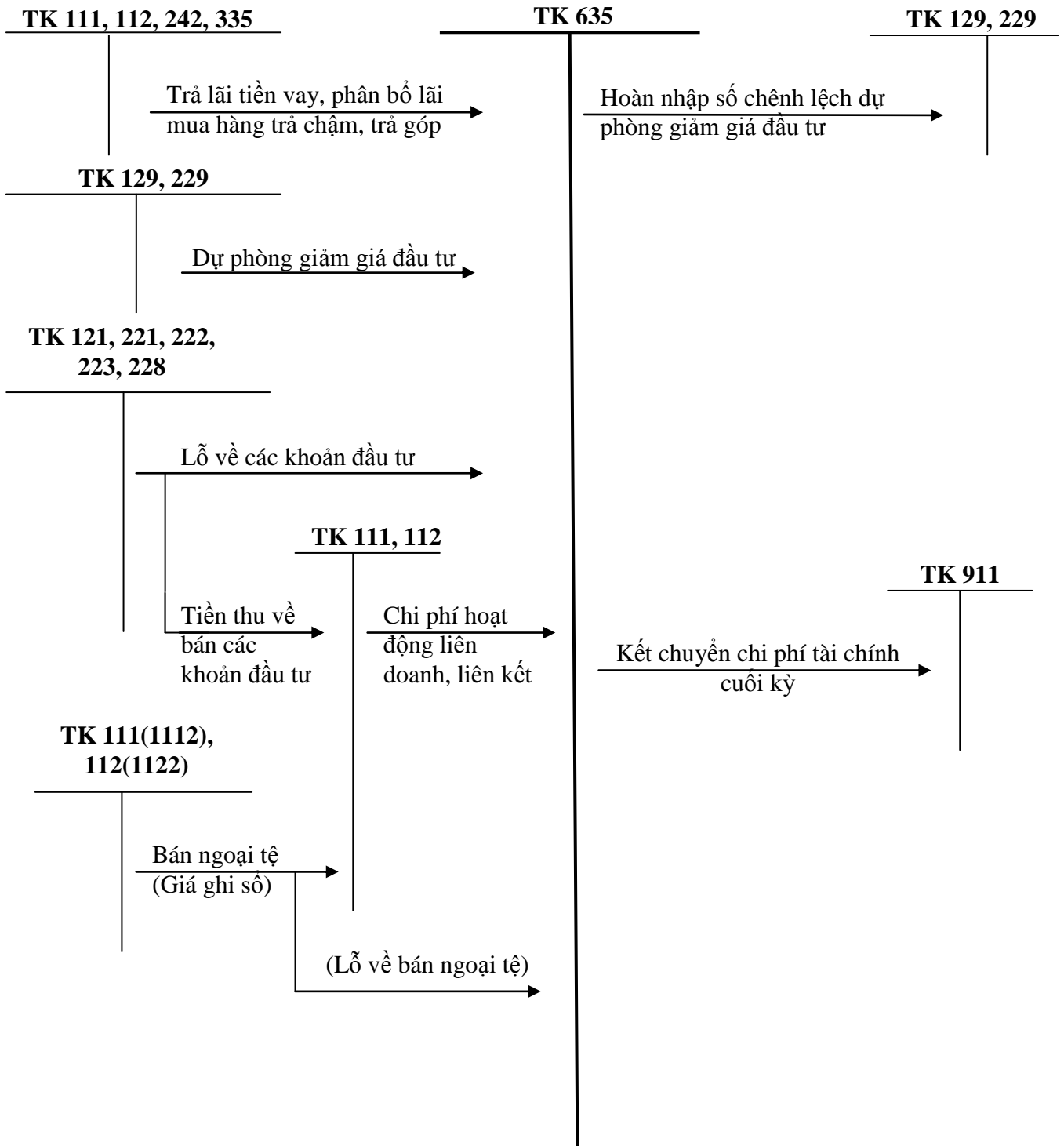
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;- Lỗ bán ngoại tệ;- Chiết khấu thanh toán cho người mua;- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ;- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ;- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ;- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.15 : Kế toán chi phí tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.4. Kế toán chi phí khác:

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

- ✓ Kết cấu của TK 811:

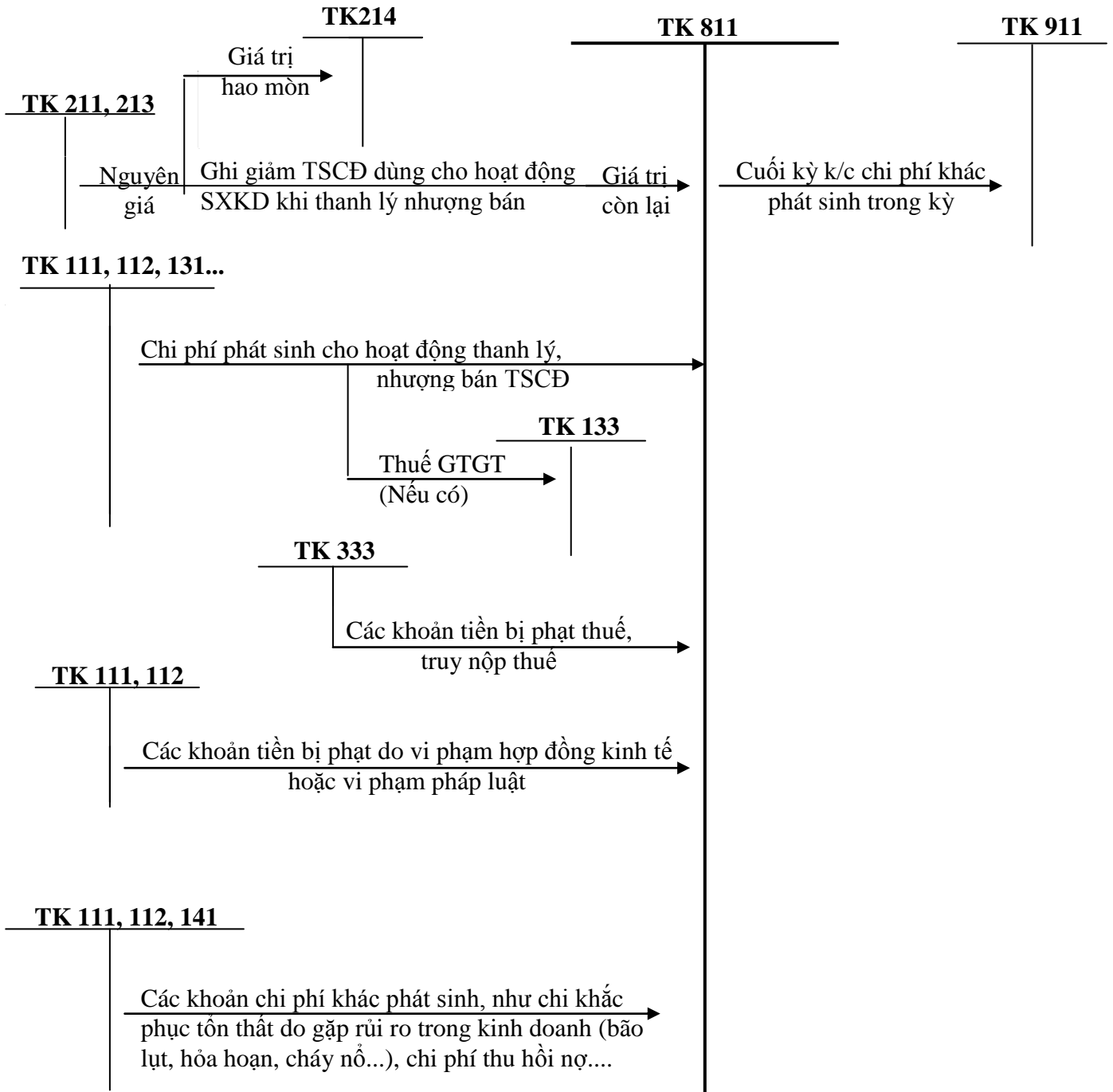
Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16 : Kế toán chi phí khác



1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

- TK 821 " Chi phí thuế TNDN "

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911.		<ul style="list-style-type: none">- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ;- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 ;- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

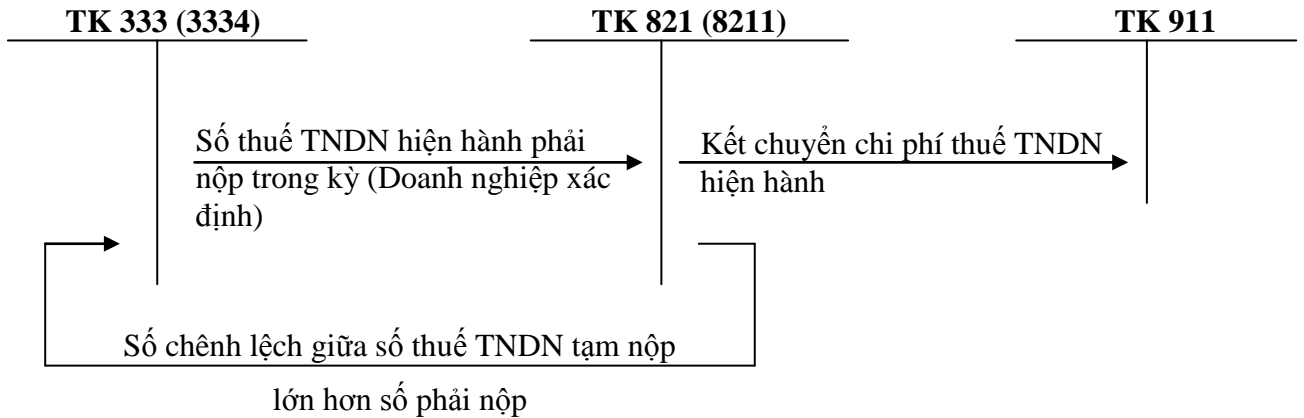
TK 821 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

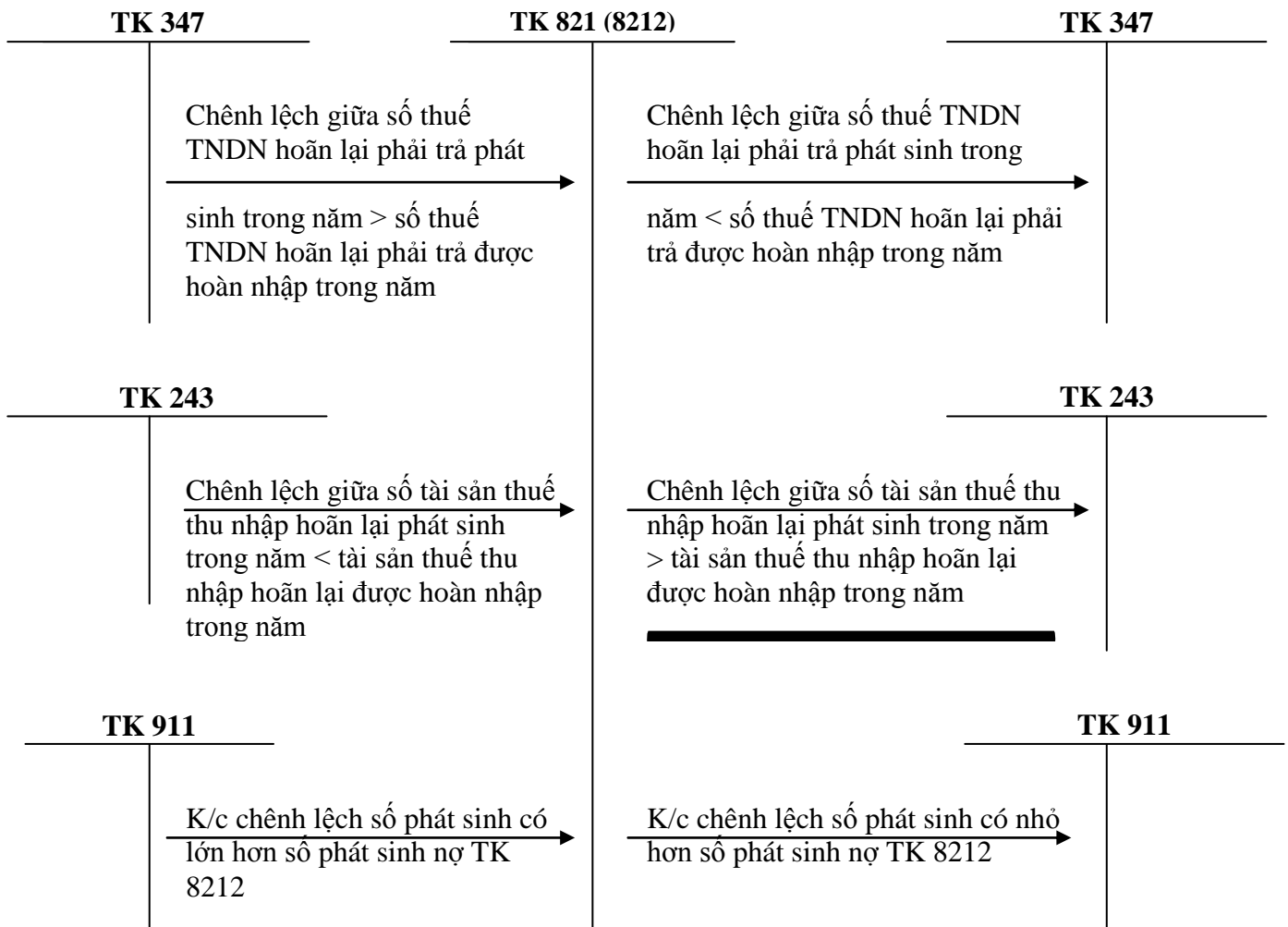
- ✓ Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
 - Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

✚ Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- ✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

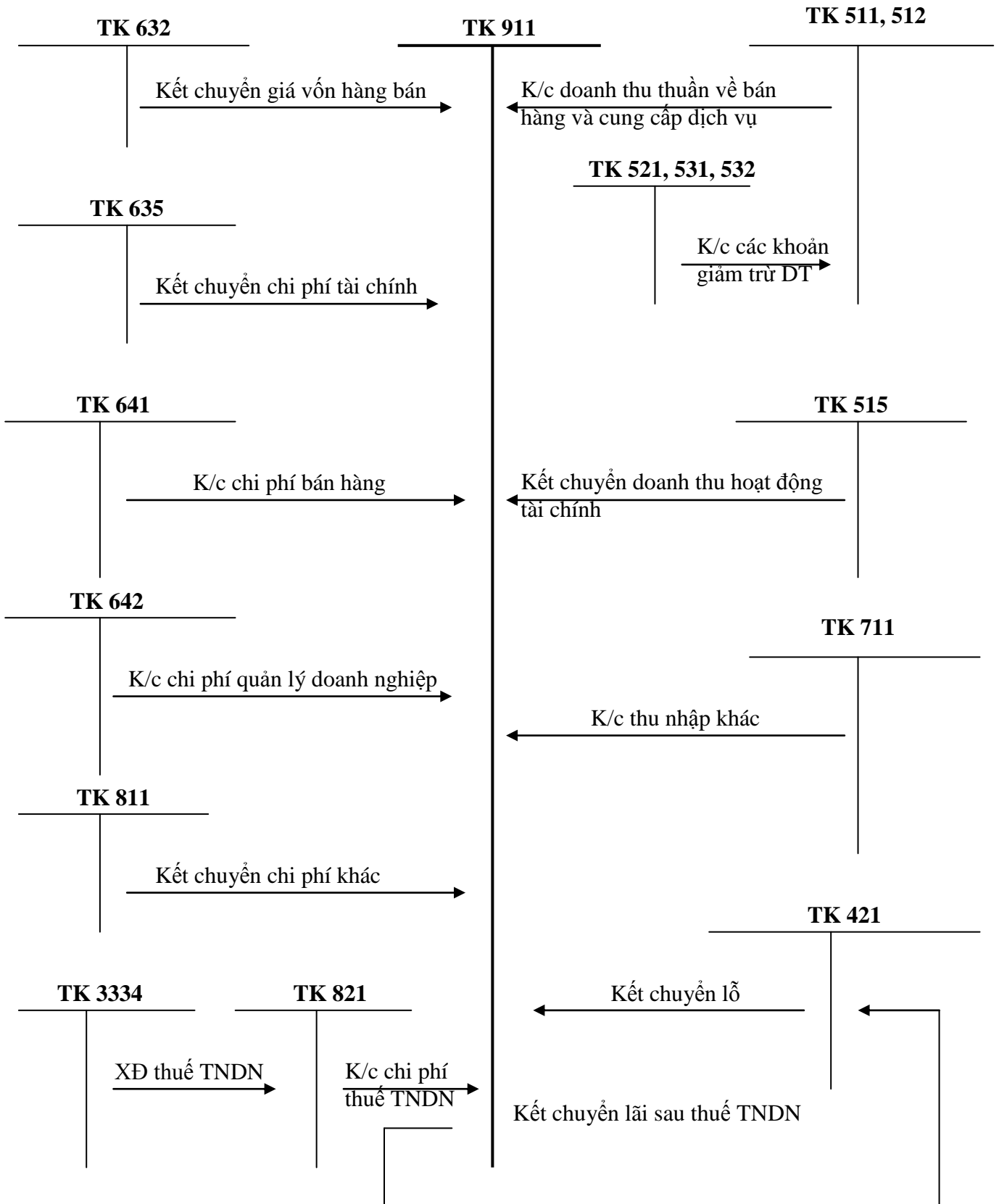
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

☛ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

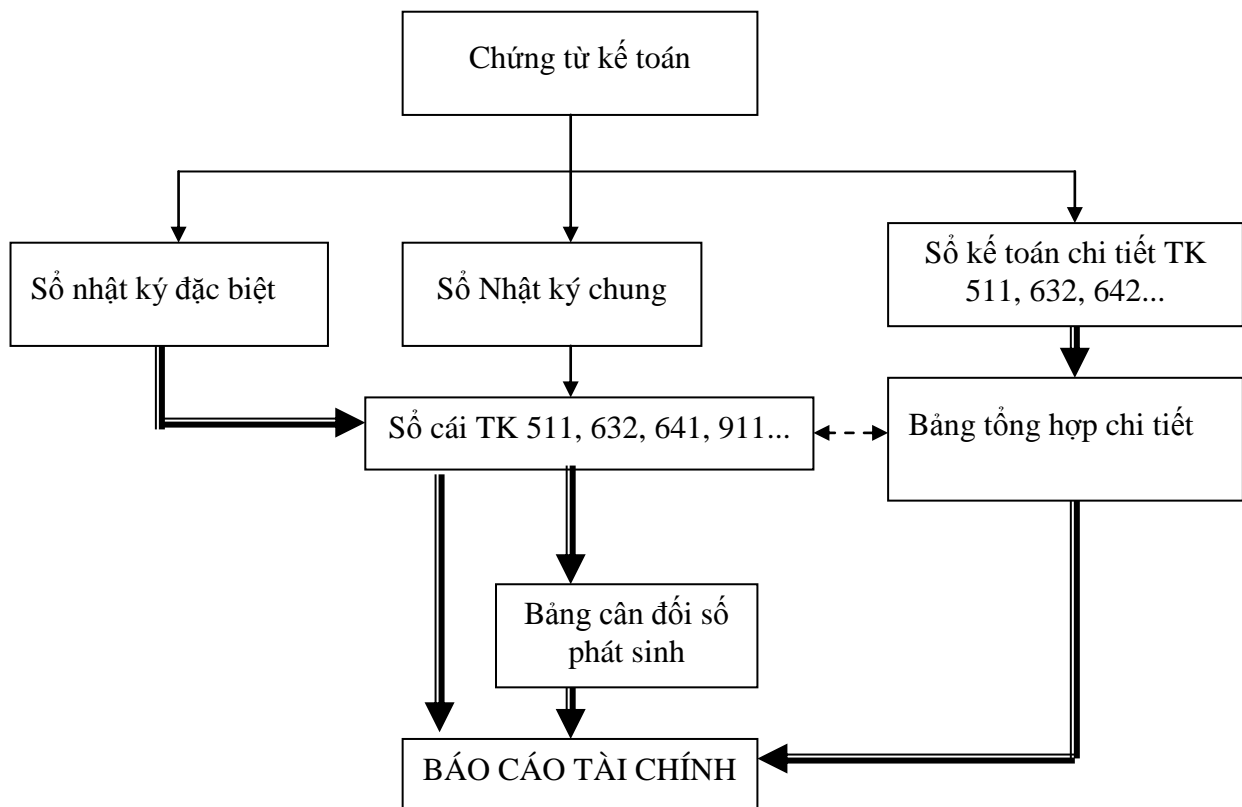
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

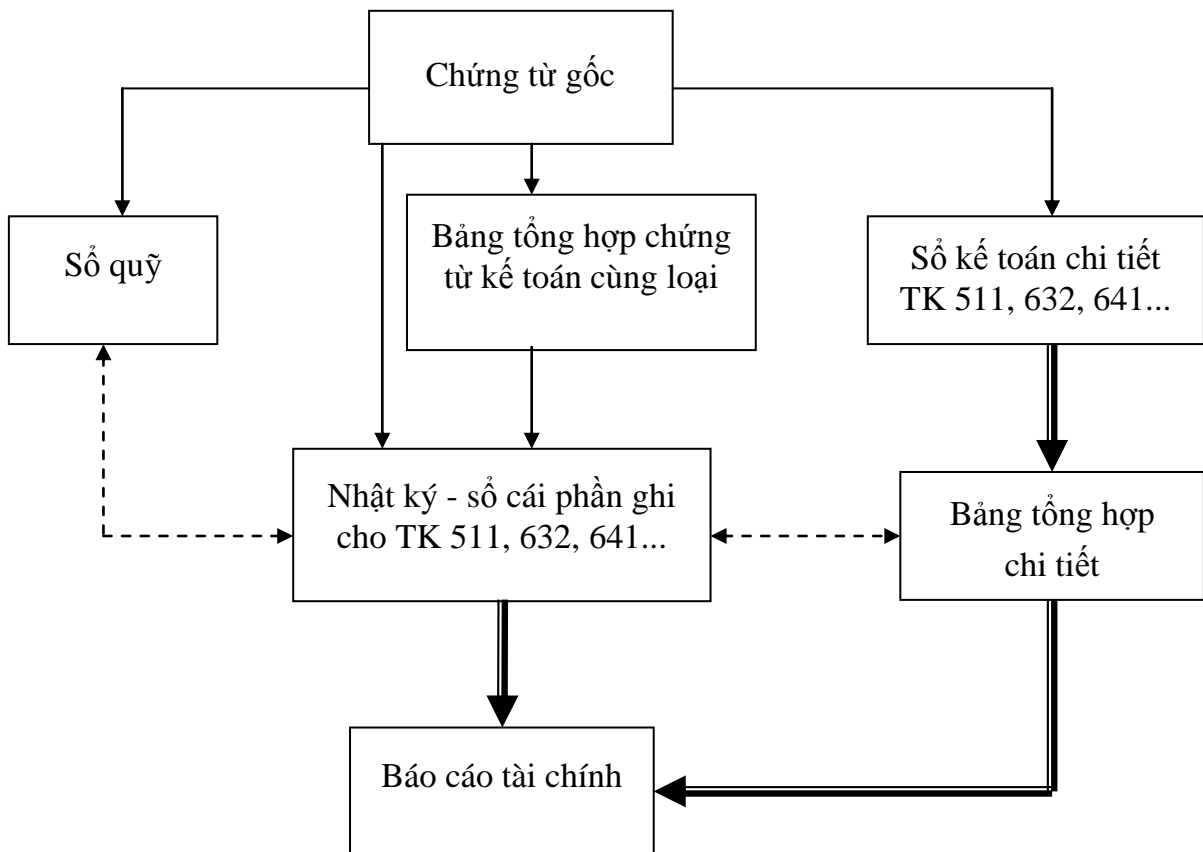
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - sổ cái



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

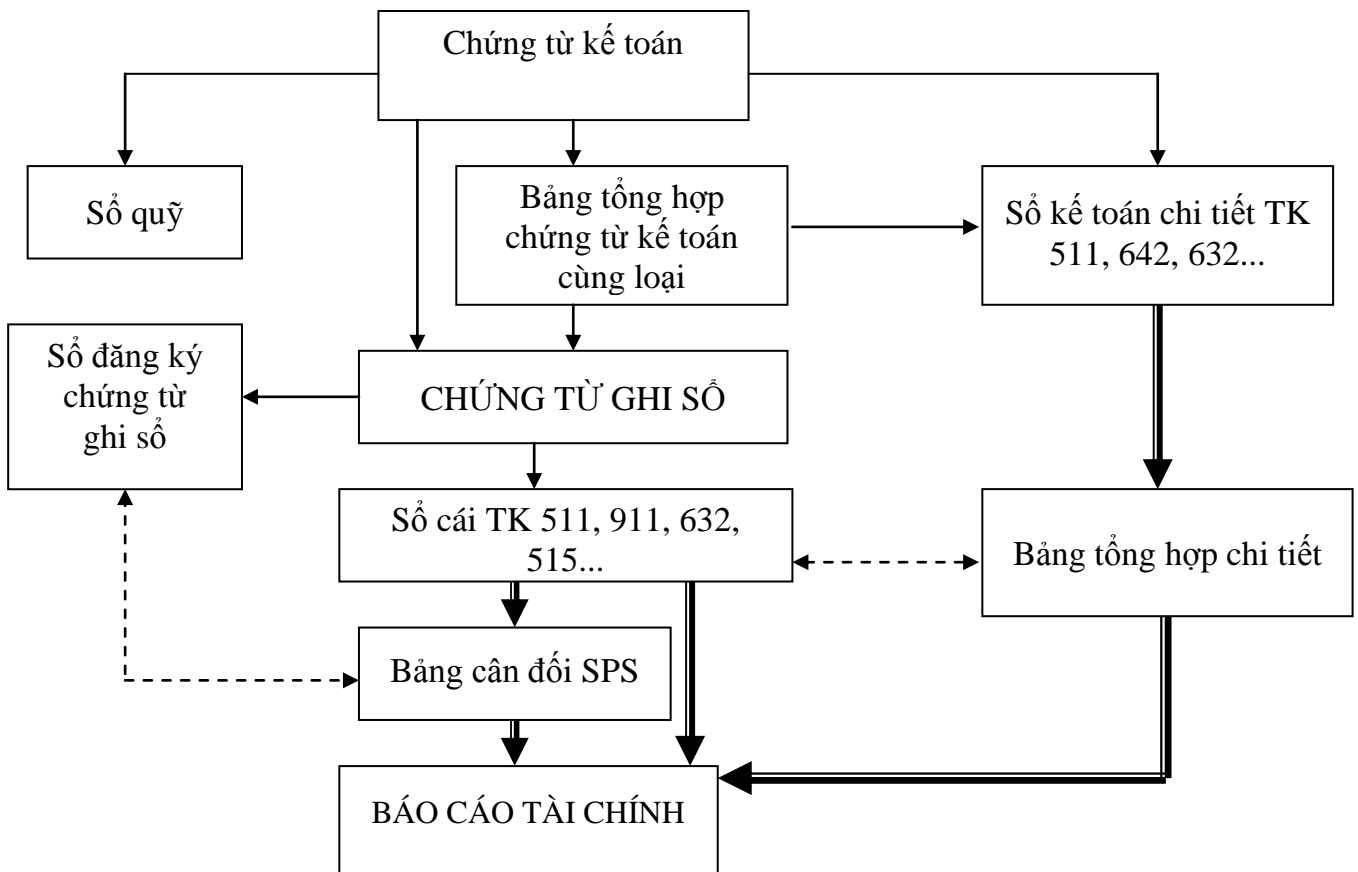
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ ".

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:

❖ *Đặc trưng cơ bản:*

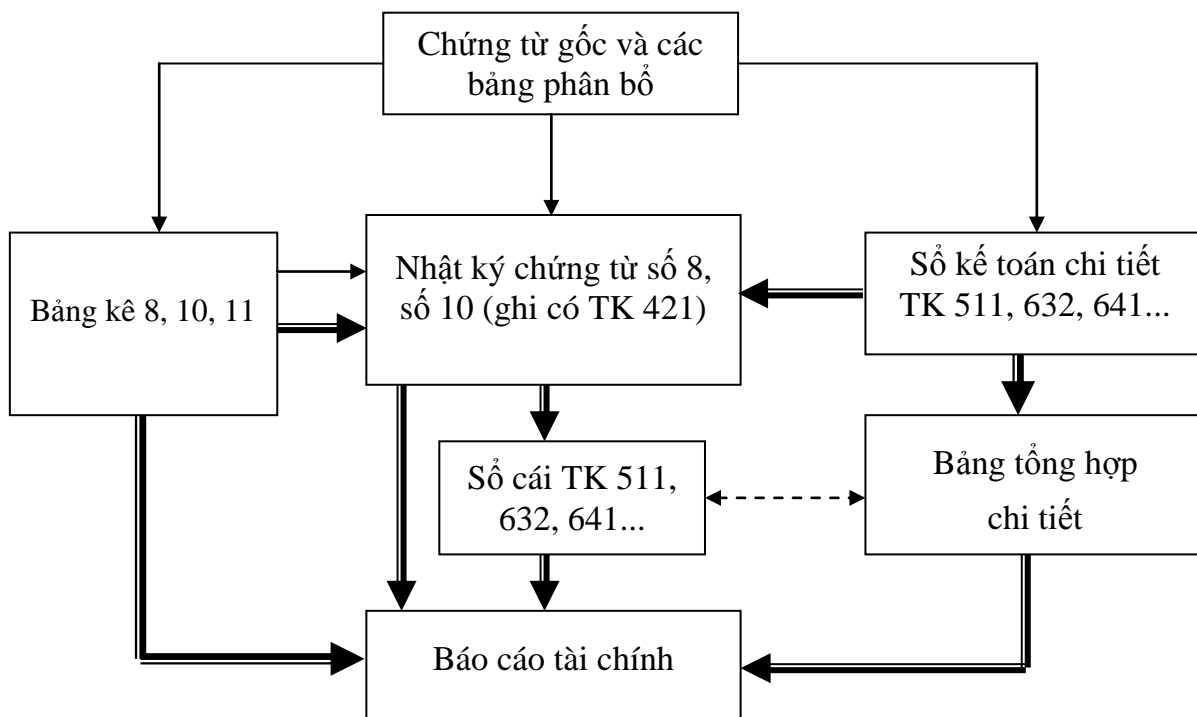
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - chứng từ



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ====→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

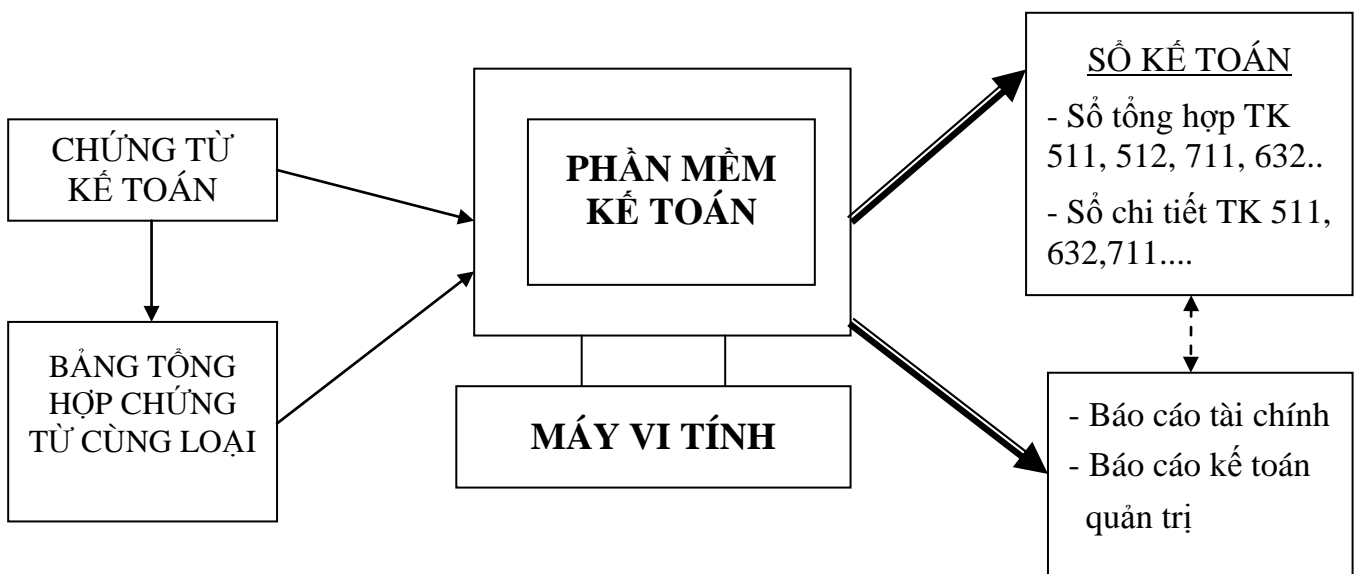
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

❖ *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng là đơn vị thành viên của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1705/2000/QĐ-BTM ngày 07 tháng 12 năm 2000 của Bộ Thương Mại trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà- một bộ phận trực thuộc công ty vận tải xăng dầu đường thủy I với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 8,1 tỷ đồng. Và được Sở kế hoạch Đầu thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005. Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 6 lần, cuối năm 2004 công ty nâng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 11,6 tỷ. Vào ngày 09/11/2005 theo quyết định của ĐHĐCĐ công ty phát hành thêm cổ phần để nâng vốn điều lệ lên 17,4 tỷ đồng. Trong đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam có số cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ. Và lần tăng vốn điều lệ gần đây nhất là năm 2008 với số vốn là 34,8 tỷ.

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng là một doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà – một bộ phận trực thuộc công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 04 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 7 Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex đã ra Nghị quyết thông qua việc thành lập công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 183/2008/QĐ-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2008.

Ngày 09 tháng 06 năm 2008 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001238.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

Một số thông tin cơ bản về công ty:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng
- Tên tiếng anh: PTS Hai Phong Shipyard Limited Company
- Tên viết tắt: PTS Hải Phòng
- Địa chỉ trụ sở: Số 16 Ngô Quyền - Quận Ngô Quyền – Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.758 561
- Fax: 0313767387

Với đặc thù là công ty TNHH được thành lập từ việc nâng cấp xí nghiệp đóng tàu Hồng Hà, trực thuộc công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng nên công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng đã có những điều kiện nhất định ngay từ khi mới bắt đầu đi vào hoạt động. Đó chính là sự kế thừa các thành tựu đã đạt được, những truyền thống lao động, bề dày kinh nghiệm và sự nhất quán, đoàn kết nội bộ trong sản xuất – kinh doanh. Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty nên được tạo điều kiện giúp đỡ trong việc đầu tư kỹ thuật, vật chất và con người.

Với những thuận lợi trên, từ khi hoạt động đến nay, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn đoàn kết, hăng say lao động và từng bước ổn định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu, lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước. Thành tựu mà công ty đạt được tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đã khẳng định đường lối đúng đắn và lòng nhiệt huyết quyết tâm lao động của tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy tàu vận tải thủy.
- Buôn bán sắt thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

Công ty đóng tàu PTS Hải Phòng chủ yếu chuyên về hoạt động đóng tàu và cấu kiện nổi, sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải, sửa chữa máy móc thiết bị.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.3. Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của Công ty đóng tàu PTS Hải Phòng.

➤ **Khó khăn:** Công ty TNHH đóng tàu PTS – Hải Phòng từ ngày bước vào hoạt động đã phải đối mặt ngay với rất nhiều khó khăn thử thách.

- Năm 2010 công ty vẫn phải tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính của nền kinh tế thế giới suy thoái, kinh tế trong nước, lạm phát, thất nghiệp những biến động lên xuống thất thường của giá cả vật tư nguyên vật liệu hàng hóa các khoản chi phí đều tăng so với năm 2009.... Đặc biệt đối với lĩnh vực đóng tàu là ngành nghề chính của công ty đang phải chịu ảnh hưởng rất nặng nề của những biến động nền kinh tế hiện nay.

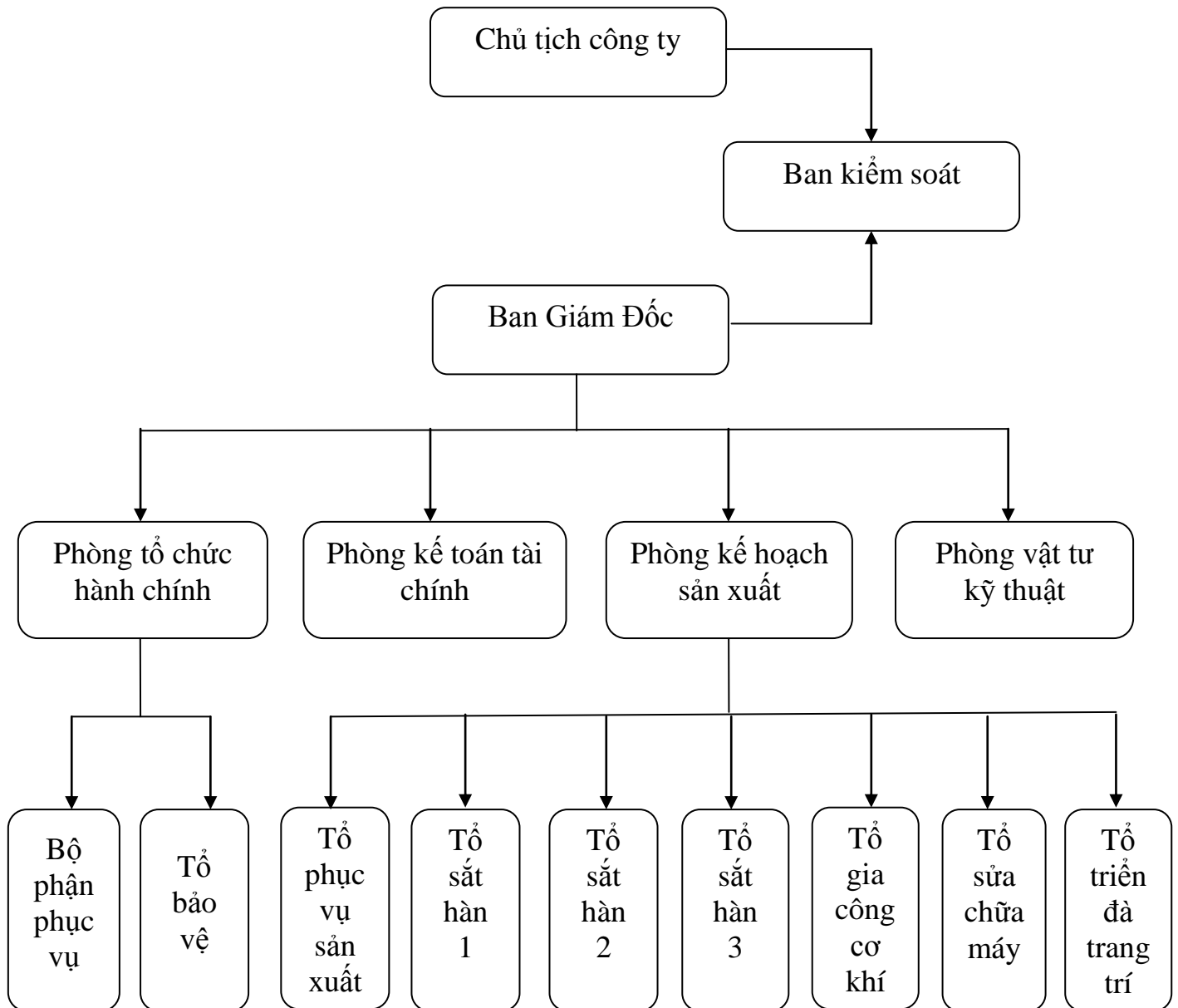
- Thị trường đóng mới tàu gần như ngừng trệ nhiều doanh nghiệp đóng mới tàu trong nước không có việc làm, người lao động thất nghiệp nhiều dẫn đến xu thế cạnh tranh giành giật thị phần, cạnh tranh giá cả của các doanh nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu ngày càng gay gắt, tạo áp lực cho công ty cả thị phần và giá cả ảnh hưởng tiền lương và lợi nhuận, công ăn việc làm cho người lao động.

➤ **Thuận lợi:** Công ty đã nhận được sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành thành phố và đặc biệt là Tổng công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex. Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo của đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty.

➤ Tuy gặp nhiều khó khăn trong năm 2011 nhưng với ý trí quyết tâm, sự đoàn kết, đồng tâm hợp lực sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty trong suốt mấy năm qua và được sự quan tâm chỉ đạo của ban lãnh đạo công ty, sự giúp đỡ của tất cả các bạn hàng công ty TNHH đóng tàu PTS – Hải Phòng đã thu được kết quả cao nhất.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- **Chủ tịch công ty:** Chủ tịch công ty là người quyết định cao nhất của công ty. Chủ tịch công ty có các quyền và nghĩa vụ như: Thông qua định hướng phát triển công ty, quyết định loại và tổng số cổ phần, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ...
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Chủ tịch công ty bầu ra gồm 1 thành viên. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ như: thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác, kiến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ngợi các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty...

- **Giám đốc công ty:** Giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình Giám đốc công ty có quyền và nghĩa vụ như: tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty...

- **Phòng kế toán tài chính:** Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán- tài chính hiện hành. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cung cấp cho giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khoẻ an toàn lao động.

- **Phòng kế hoạch sản xuất:** Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, tổ chức kinh doanh các mặt hàng đã sản xuất, khai thác kinh doanh các mặt hàng khác (nếu có) có thể vận dụng cơ sở vật chất, thị trường hiện có. Tạo nguồn hàng điều chỉnh các khâu xuất nhập hàng hoá đến các đại lý, các khách hàng, quản lý hàng xuất nhập, hoá đơn chứng từ, hệ thống sổ sách theo dõi thống kê báo cáo ...

- **Phòng vật tư kỹ thuật:** Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng các kế hoạch khoa học kỹ thuật và môi trường, xây dựng và quản lý định mức vật tư, quản lý tốt công nghệ sản xuất và công tác quản lý thiết bị.

- **Bộ phận phục vụ:** Đây là nơi phục vụ việc ăn uống và nghỉ ngơi của nhân viên trong công ty.

- **Tổ bảo vệ:** Tổ bảo vệ có trách nhiệm bảo vệ tài sản của công ty, trông coi xe và kiểm soát người ra vào trong công ty. Có nghi ngờ bất thường là phải báo ngay cho cấp trên.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

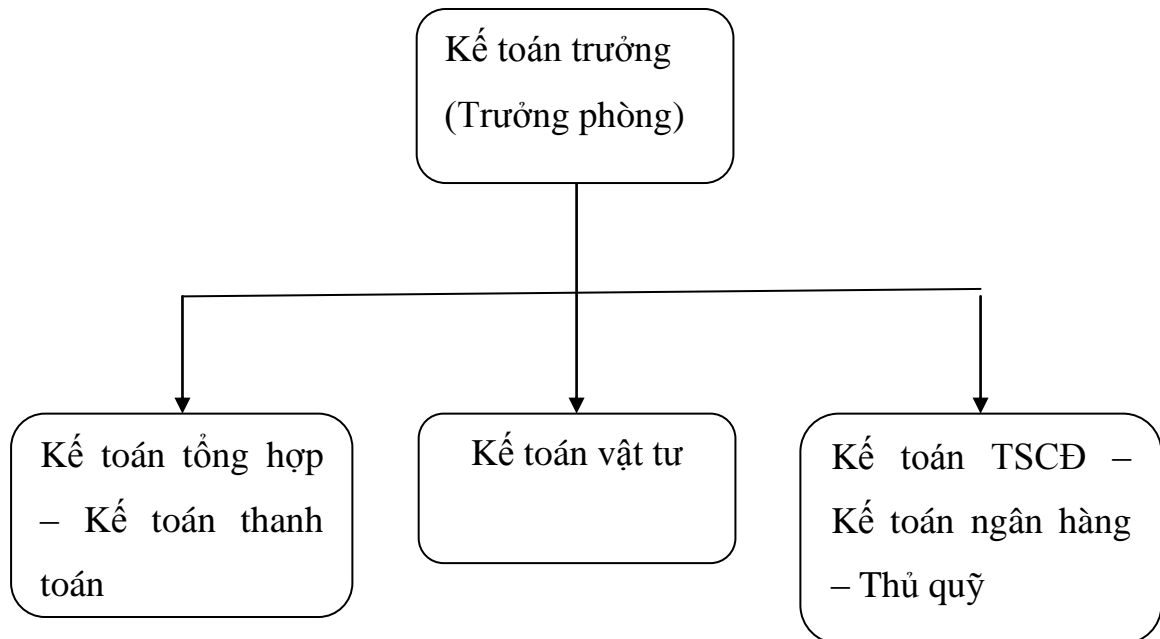
- **Các tổ sắt hàn, tổ gia công cơ khí, tổ sửa chữa máy:** Có nhiệm vụ hàn xì, gia công sửa chữa tàu máy của công ty.
- **Tổ triển đà trang trí:** Công việc của tổ này cũng khá quan trọng, vì đây là công việc cuối cùng để công ty có thể bán được sản phẩm, đây là tổ quyết định sơn tàu màu gì, trang trí thế nào cho vừa đẹp giá thành lại rẻ.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán từ khâu nhận và xử lý các chứng từ, luân chuyển chứng từ, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên:

- **Kế toán trưởng:** Điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kí duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ. Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng có hiệu quả tài chính công ty.
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

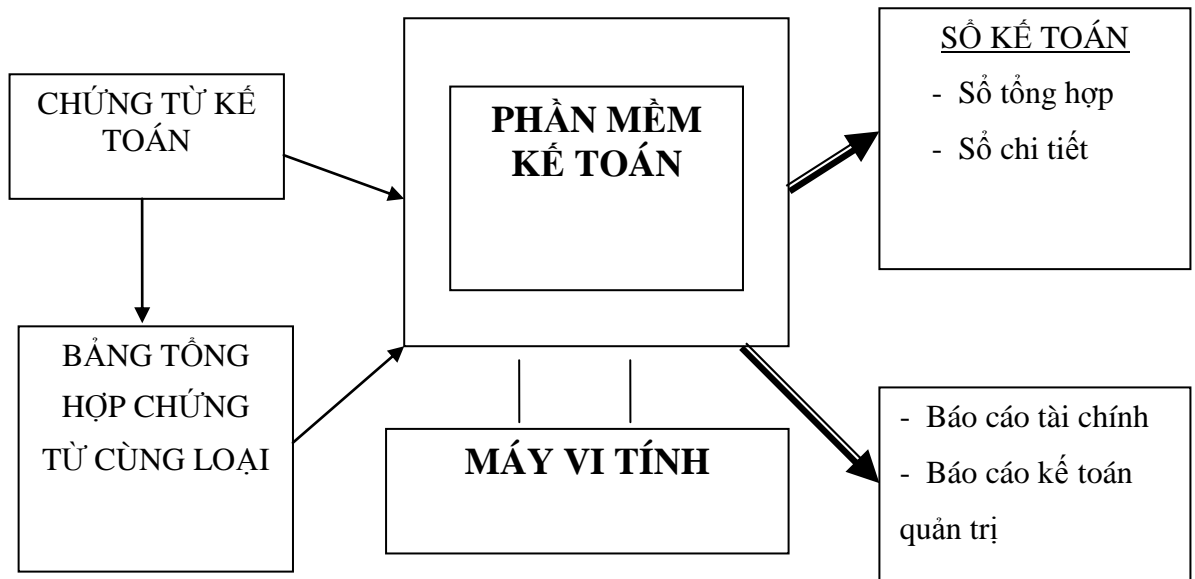
- **Kế toán tổng hợp - Kế toán thanh toán:** Là người có trách nhiệm tổng hợp các số liệu từ kế toán viên để lập các báo cáo tổng hợp đồng thời thực hiện các nghiệp vụ theo dõi các khoản thu chi, thanh quyết toán thuế với Ngân sách Nhà nước.
- **Kế toán vật tư:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.
- **Kế toán TSCĐ-Kế toán ngân hàng-Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, lập bảng phân bổ và tính khấu hao cho TSCĐ định kỳ đồng thời cập nhật, theo dõi báo cáo thường xuyên tình hình thu chi TGNH và chịu trách nhiệm thu tiền mặt và chi tiền theo chứng từ thu chi hợp lệ đã được ký duyệt.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.
 - Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
 - Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.
 - Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn. Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
 - Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
 - Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

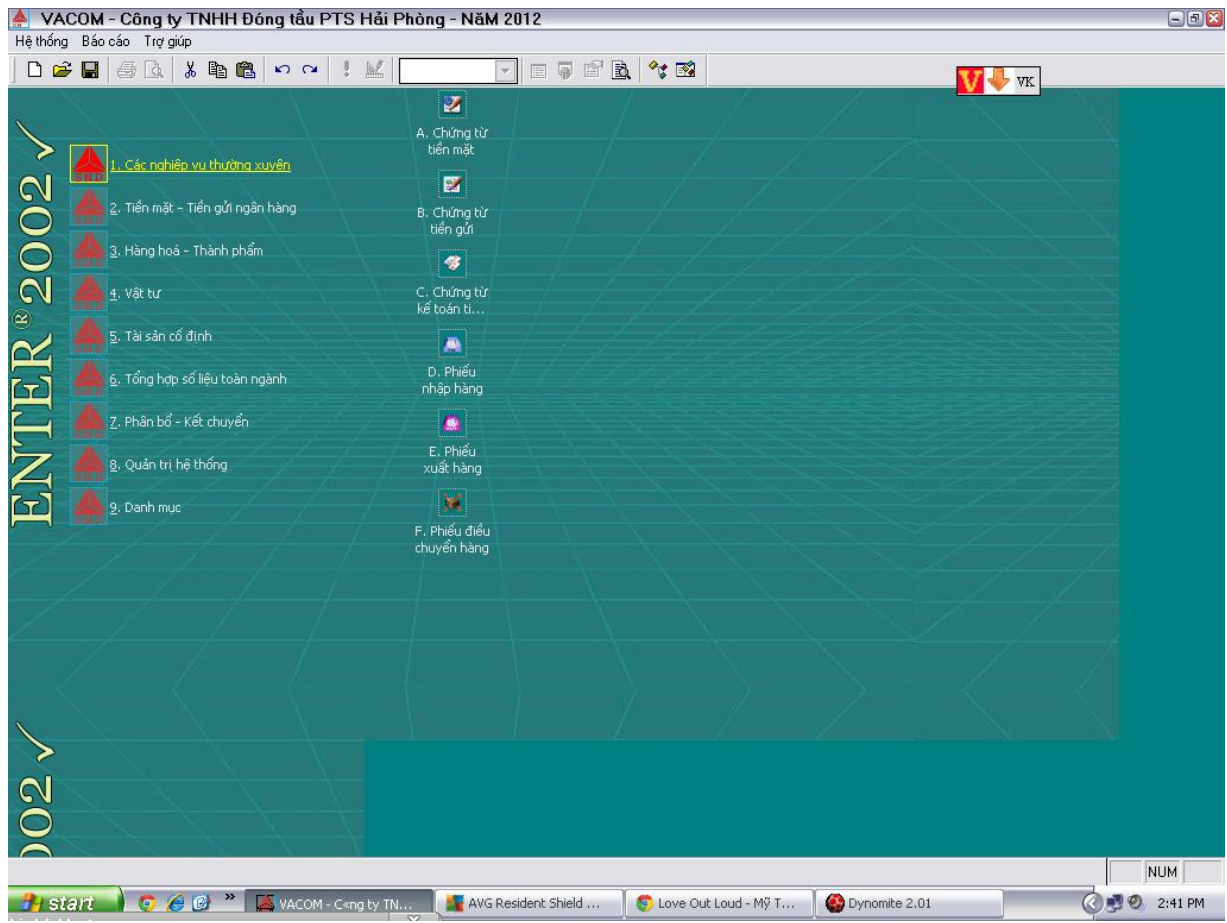
Cuối quý (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối quý sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **VACOM**, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:

Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán VACOM



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

✚ Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ở Công ty đóng tàu PTS Hải Phòng chủ yếu là doanh thu sửa chữa và doanh thu đóng mới tàu, trong đó doanh thu sửa chữa chiếm 70% tổng số doanh thu. Công ty nhận sửa chữa và đóng mới tàu theo hợp đồng.

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản thanh lý hợp đồng
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 5113: Doanh thu dịch vụ

➤ Các tài khoản cấp 3:

- TK 5113SC: Doanh thu dịch vụ sửa chữa
- TK51138: Doanh thu dịch vụ khác

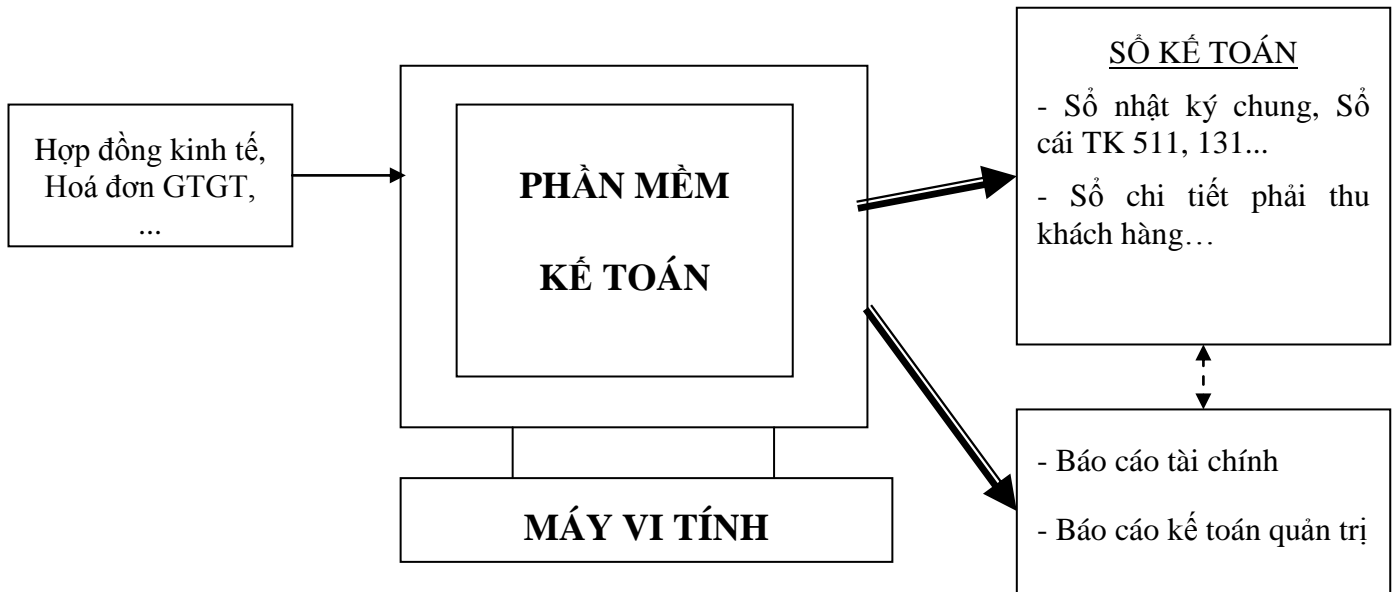
✚ Hình thức thanh toán:

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

✚ Phương pháp hạch toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

🚦 Ví dụ minh họa:

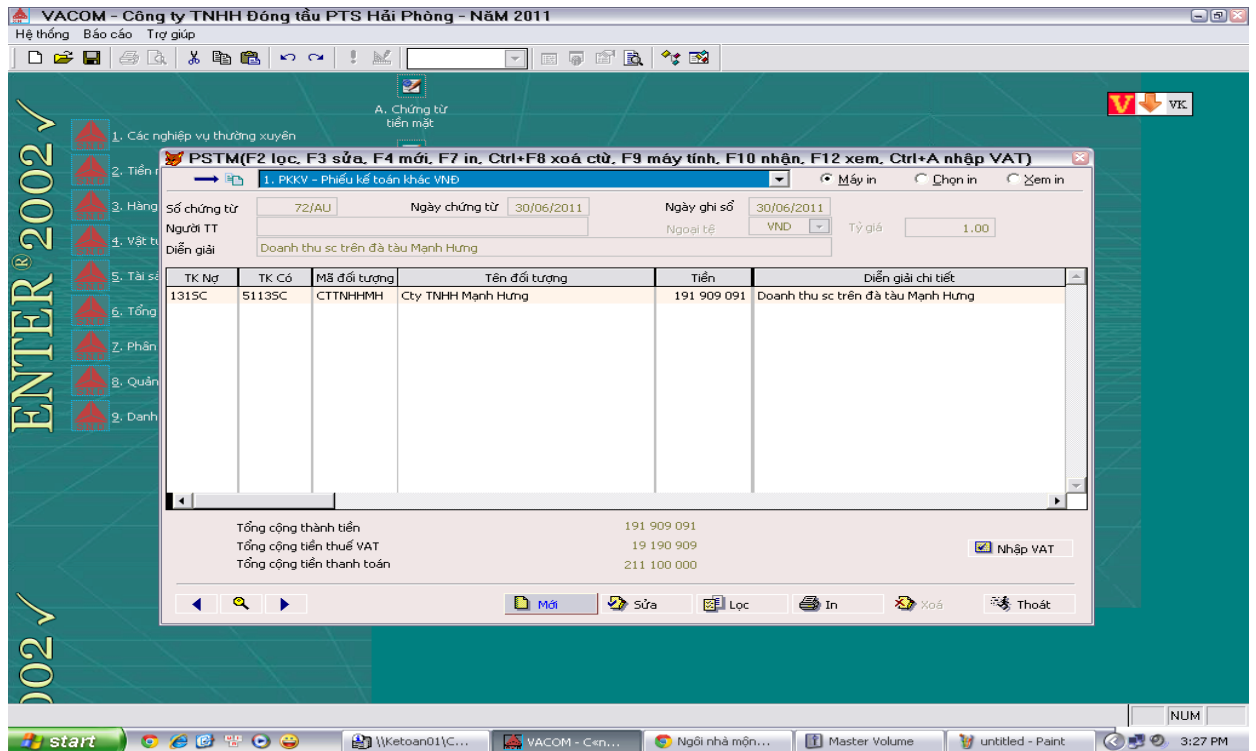
Ngày 30/06/2011 ghi nhận doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng, tổng giá thanh toán là 211.100.000đ, thuế GTGT 10% .

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000140, kế toán tổng hợp nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VACOM ACCOUNTING**, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Tiền mặt-Tiền gửi ngân hàng* → *Phiếu kế toán tiền VNĐ* → chọn *Phiếu kế toán khác VNĐ* → nhập số liệu từ hóa đơn GTGT vào phần mềm → sau khi nhập đầy đủ số liệu vào phần mềm nhấn F10 để nhận. Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình phân hệ Phiếu kế toán tiền VNĐ



Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

Mã số thuế: 0200820994

Teleax: (84-031) 758560

Phiếu số: **72/AU**

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 30/06/2011

Khách hàng :

Số tiền: 211.100.000 Đồng

Viết bằng chữ: Hai trăm mười một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo.....chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
131SC	5113SC	191.909.091	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng
131SC	333111	19.190.909	Thuế GTGT đầu ra HH,DV

Người lập phiếu

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN (GTGT)

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Ngày 30 tháng 06 năm 201

Ký hiệu: **AA/11P**

Liên 3: (Nội bộ)

Số: **0 0 0 0 1 4 0**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 16 Ngô Quyền – Phường Máy Chai – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng

Tài khoản: 208 704 53 479 tại ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-CN Hải Phòng

Mã số thuế: 02 008 20 994

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị:.....Công ty TNHH Mạnh Hưng.....

Địa chỉ:.....170/250 Lê Lợi - Hải Phòng.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:.....MST: 02 005 94 093

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng				191.909.091
Cộng tiền hàng:					191.909.091
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			19.190.909
Tổng cộng tiền thanh toán					211.100.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Số 16 Ngô Quyền – Phường Máy Chai – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng

T: 031.3758561 - F: 031.3767387

W: www.ptshp.com

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

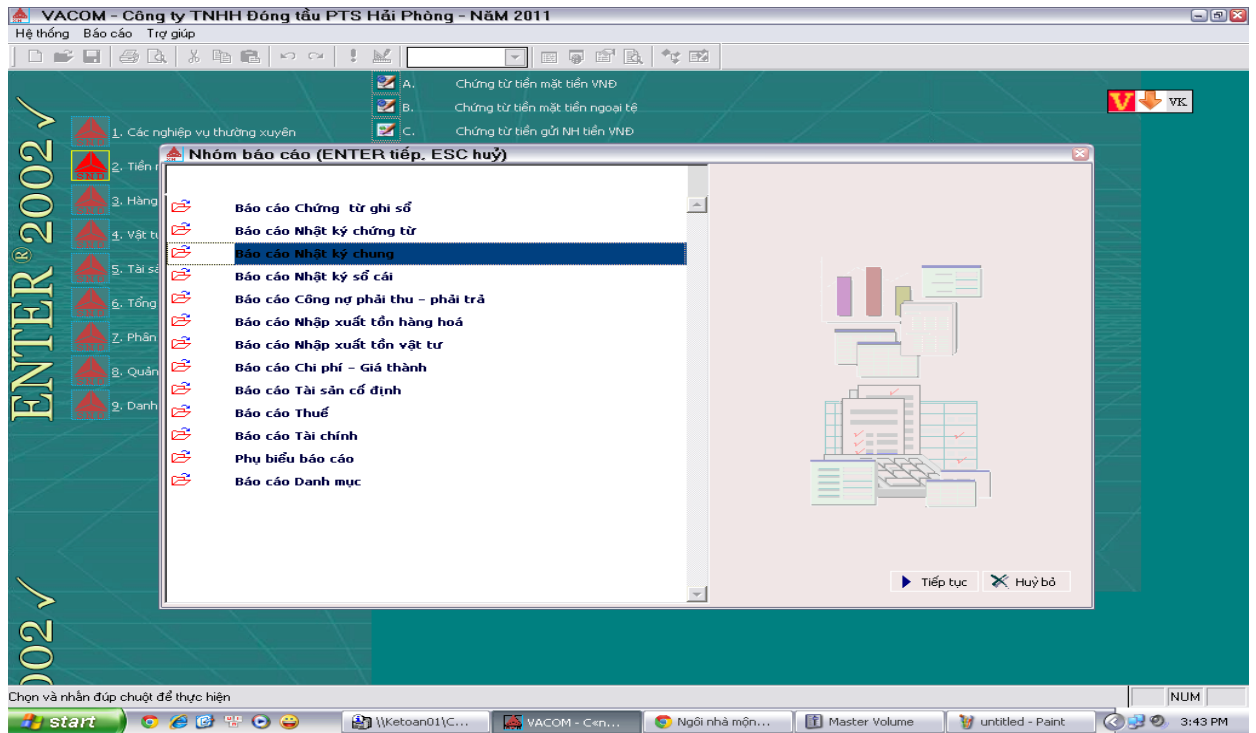
Để xem Nhật ký chung, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột và *Báo cáo*→chọn *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ nhật ký chung*→chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Nhật ký chung kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Để xem (in) *Sổ cái*, từ phân hệ *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ cái tài khoản theo ngày*→ chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in *Sổ cái* kích chọn *in thẳng ra máy in*).

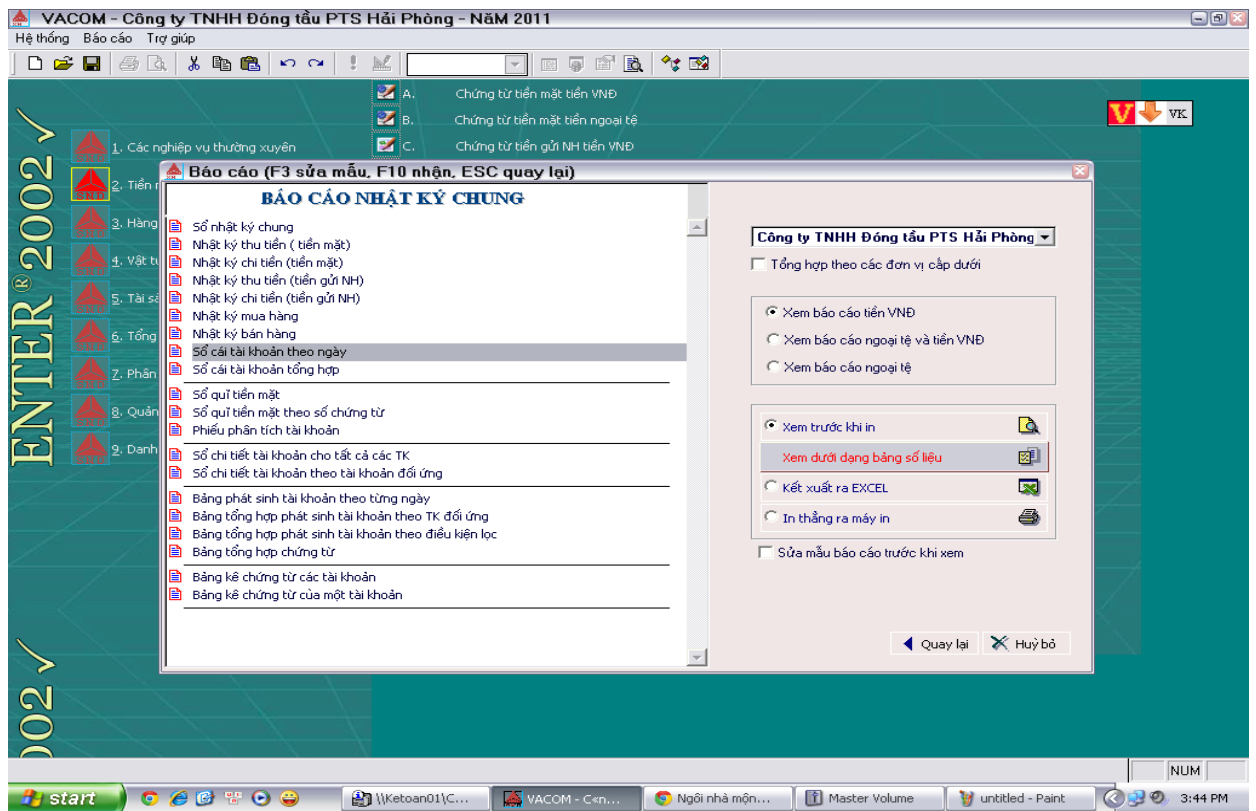
Ấn F10 để nhận các thao tác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình phân hệ nhóm báo cáo



Màn hình phân hệ Báo cáo Nhật ký chung



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày , tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
....
03/06	PKT 60/AU	03/06	Doanh thu sc tàu Petrolimex 16(Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO)	131SC 5113SC 3331	30.515.774	27.741.613 2.774.161
06/06	PKT 61/AU	06/06	Doanh thu hoán cải tàu PTS05(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	622.795.328	565.904.844 56.590.484
07/06	PC 245	07/06	Tiếp khách đăng kiểm tàu PTS05(Trịnh Vĩnh Phúc)	642816 1331 1111	2.030.000 203.000	2.233.000
...
09/06	PKT 63/AU	09/06	Doanh thu sc tàu PTS12 – HC(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	807.473.804	734.067.095 73.406.709
10/06	PKT 64/AU	10/06	Doanh thu sc tàu PTS01 – ĐK(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	1.605.168.126	1.459.243.421 145.924.375
...
22/06	NH	22/06	Rút TGNH nhập quỹ(Nguyễn Thị Lệ Thu)	1111 1121	200.000.000	200.000.000
...
30/06	PKT 72/AU	30/06	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng	131SC 51113 3331	211.100.000	191.909.091 19.190.909
...

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 10.534.882.034 10.534.882.034

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
03/06	PKT 60/AU	Doanh thu sc tàu Petrolimex 16(Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO)	131SC		27.741.613
06/06	PKT 61/AU	Doanh thu hoán cải tàu PTS05(Công ty PTS HP)	131SC		565.904.844
...
09/06	PKT 63/AU	Doanh thu sc tàu PTS12 – HC(Công ty PTS HP)	131SC		734.067.095
10/06	PKT 64/AU	Doanh thu sc tàu PTS01 – ĐK(Công ty PTS HP)	131SC		1.459.243.421
...
30/06	PKT 72/AU	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng(Công ty TNHH Mạnh Hưng)	131SC		191.909.091
30/06	PKC 151	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ SC 51131→911	911	10.504.882.034	
30/06	PKC 152	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ khác 51138 →911	911	30.000.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✚ Chứng từ sử dụng:

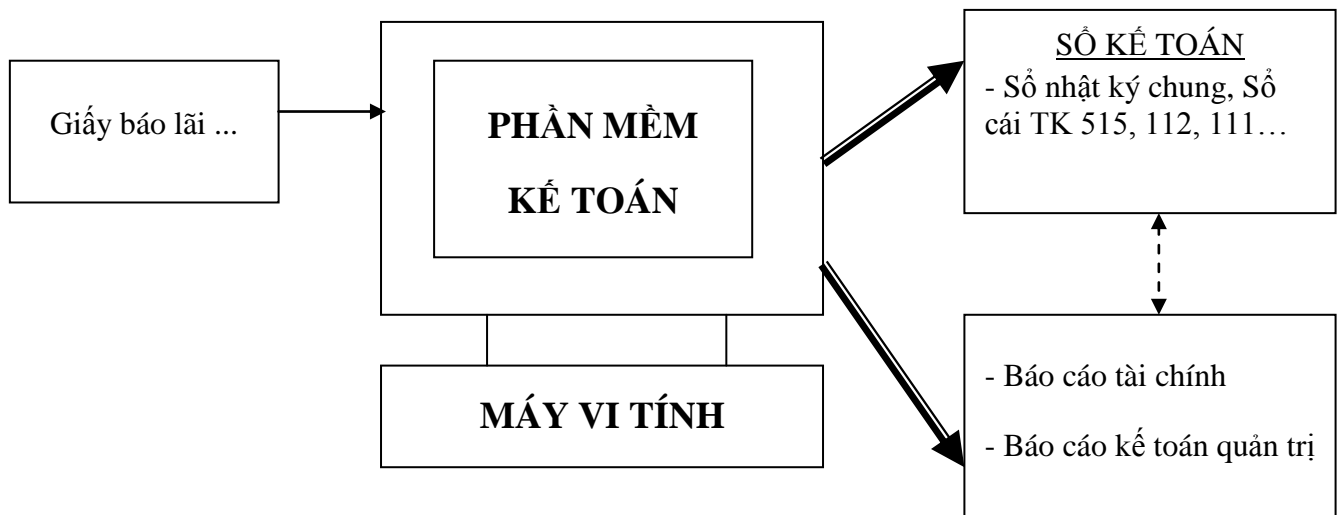
- Giấy báo lãi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

- Các tài khoản cấp 2:
 - TK 5151: Lãi tiền gửi

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

Ngày 30/06/2011 Công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng T6/2011 của Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex Hải phòng với số tiền là 1.412.700 đồng.

00424 – NH PG BANK – CN HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO LÃI

Từ ngày 01/06/2011 đến hết ngày 30/06/2011

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Tài khoản số - 2087040053479

Mở tại Ngân hàng PG BANK chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất 2,4% /năm - Số tiền VNĐ : 1.412.700

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TP KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào giấy báo lãi của ngân hàng PG BANK, kế toán vào phân hệ *Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng* để nhập số liệu vào *Giấy báo có (thu)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy.

Để xem Nhật ký chung, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột và *Báo cáo*→chọn *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ nhật ký chung*→chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Nhật ký chung kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Để xem (in) *Sổ cái*, từ phân hệ *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ cái tài khoản theo ngày*→ chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in *Sổ cái* kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Ấn F10 để nhận các thao tác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VACOM - Công ty TNHH Đổng tàu PTS Hải Phòng - Năm 2012

Hệ thống Báo cáo Trợ giúp

ENTER® 2002 ✓

1. Các nghiệp vụ thường xuyên
2. Tiền n
3. Hàng
4. Vật t
5. Tài s
6. Tổng
7. Phân
8. Quản
9. Danh

A. Chứng từ tiền mặt tiền VND
B. Chứng từ tiền mặt tiền ngoại tệ
C. Chứng từ tiền gửi NH tiền VND

PSTM(F2 lọc, F3 sửa, F4 mới, F7 in, Ctrl+F8 xóa cũ, F9 máy tính, F10 nhận, F12 xem, Ctrl+A nhập VAT)

Giấy bảo có (thu) của ngân hàng, tiền VND Máy in Chọn in Xem in

Số chứng từ: NH Ngày chứng từ: 30/06/2011 Ngày ghi số: 30/06/2011

Người TT: Ngoại tệ: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải: Lãi tiền gửi

TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tiền	Diễn giải chi tiết
1121	5151	PG Bank	Ngân hàng PG bank CN Hải Phòng	1.412.700	Lãi tiền gửi

Tổng cộng thành tiền: 1.412.700
Tổng cộng tiền thuế VAT:
Tổng cộng tiền thanh toán: 1.412.700

Mới Sửa Lọc In Xóa Thoát

Chọn kiểu in chứng từ NUM

start VACOM - Công ty... AWG Resident Shi... Love Out Loud - ... Dynamite 2,01 3.bmp - Paint 2:46 PM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
03/06	PKT 60/A U	03/06	Doanh thu sc tàu Petrolimex 16(Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO)	131SC 5113SC 3331	30.515.774	27.741.613 2.774.161
06/06	PKT 61/A U	06/06	Doanh thu hoán cải tàu PTS05(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	622.795.328	565.904.844 56.590.484
07/06	PC 245	07/06	Tiếp khách đăng kiểm tàu PTS05(Trịnh Vĩnh Phúc)	642816 1331 1111	2.030.000 203.000	2.233.000
...
09/06	PKT 63/A U	09/06	Doanh thu sc tàu PTS12 – HC(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	807.473.804	734.067.095 73.406.709
10/06	PKT 64/A U	10/06	Doanh thu sc tàu PTS01 – ĐK(Công ty PTS HP)	131SC 5113SC 3331	1.605.168.126	1.459.243.751 145.924.375
...
22/06	NH	22/06	Rút TGNH nhập quỹ(Nguyễn Thị Lệ Thu)	1111 1121	200.000.000	200.000.000
...
30/06	PKT 72/A U	30/06	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng	131SC 51113 3331	211.100.000	191.909.091 19.190.909
30/06	NH	30/06	Lãi tiền gửi	1121 5151	1.412.700	1.412.700
...

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 5151-Doanh thu hoạt động tài chính

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 6.899.967 6.899.967

CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
30/06	NH	Lãi tiền gửi	1121		1.412.700
30/06	NH	Lãi tiền gửi	1121		294.410
...
30/06	PKC 153	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5151 → 911	911	6.899.967	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6321: Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6322: Chi phí vật liệu
- TK 6323: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6324 : Chi phí KH TSCĐ
- TK 6327: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6328: Chi phí bằng tiền khác

➤ Các tài khoản cấp 3:

- TK 63211: Chi phí nhân công lương
 - TK 63212: Chi phí nhân công KPCĐ
 - TK 63213: Chi phí nhân công BHXH
 - TK 63214: Chi phí nhân công ăn ca
 - TK 63280: Chi phí NVL Phụ
 - TK 63281: Chi phí điện thoại
 - TK 63284: Chi phí khác
 - TK 63283: Chi phí động lực
 - TK 63286: Chi phí đăng kiểm
 - TK 63287: Chi phí SC TSCĐ
 - TK 63288: Chi phí độc hại
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối quý, kế toán vào phân hệ *Phân bổ- kết chuyển* → *Cập nhật số liệu* → Các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm để thực hiện thao tác kết chuyển Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621), Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622), Chi phí sản xuất chung (TK 627) sang tài khoản 154.

Sau đó, chọn quý kết chuyển : quý II → Chọn toàn bộ bằng cách ấn Insert để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển. Chọn tháng cần kết chuyển là tháng 6. Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:

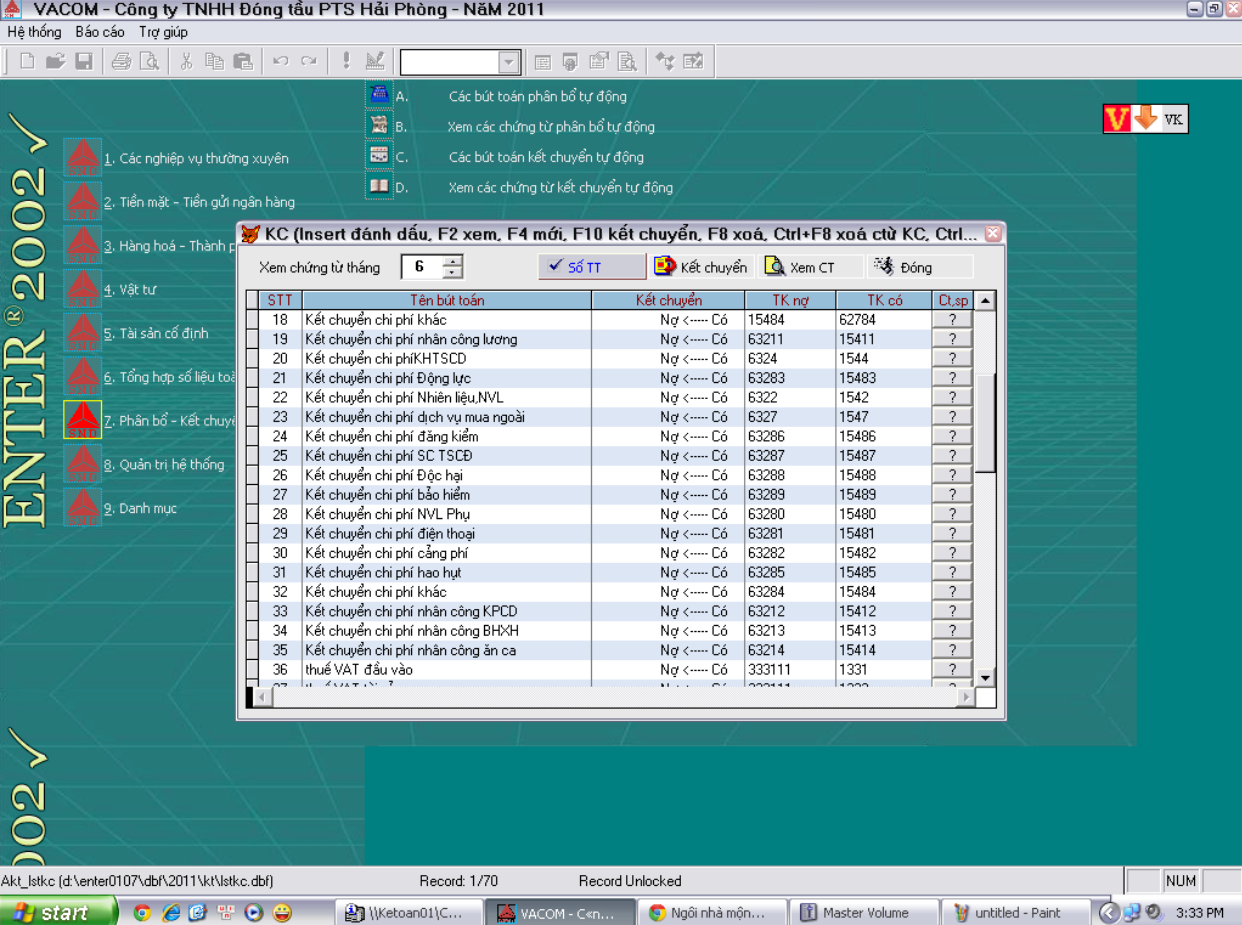
The screenshot shows the VACOM software interface for the year 2012. The main window displays a list of accounting entries. A dialog box titled "KC (Insert đánh dấu, F2 xem, F4 mới, F10 kết chuyển, F8 xoá, Ctrl+F8 xoá từ KC, Ctrl..." is open, showing a table of entries. The table has the following columns: STT, Tên bút toán, Kết chuyển, TK nợ, TK có, and Ct.sp. The entries are as follows:

STT	Tên bút toán	Kết chuyển	TK nợ	TK có	Ct.sp
2	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ	Ng <---- Có	15412	62202	?
3	Kết chuyển chi phí nhân công BHKH, YT	Ng <---- Có	15413	62203	?
4	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ka	Ng <---- Có	15414	62204	?
5	Kết chuyển chi phí NVL	Ng <---- Có	1542	621	?
6	Kết chuyển chi phí vật liệu	Ng <---- Có	15480	6272	?
7	Kết chuyển chi phí CCDC	Ng <---- Có	1543	6273	?
8	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	Ng <---- Có	1544	6274	?
9	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	Ng <---- Có	1547	6277	?
10	Kết chuyển chi phí đăng kiểm	Ng <---- Có	15486	62786	?
11	Kết chuyển chi phí SC	Ng <---- Có	15487	62787	?
12	Kết chuyển chi phí Độc hại	Ng <---- Có	15488	62788	?
13	Kết chuyển chi phí bảo hiểm	Ng <---- Có	15489	62789	?
14	Kết chuyển chi phí NVL Phụ	Ng <---- Có	15480	62780	?
15	Kết chuyển chi phí điện thoại	Ng <---- Có	15481	62781	?
16	Kết chuyển chi phí cảng phí	Ng <---- Có	15482	62782	?
17	Kết chuyển chi phí hao hụt	Ng <---- Có	15485	62785	?
18	Kết chuyển chi phí khác	Ng <---- Có	15484	62784	?
19	Kết chuyển chi phí nhân công lương	Ng <---- Có	63211	15411	?
20	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	Ng <---- Có	6324	1544	?

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiếp đó, kế toán đánh dấu các bút để kết chuyển từ TK 154 → TK 632. Riêng đối với chi phí sản xuất chung (kết chuyển từ TK 627 → TK 154), Kế toán tính cụ thể trên Excel đối với những tàu chưa hoàn thành rồi sửa số liệu trực tiếp bút toán kết chuyển từ TK 154 → TK 632 (Chỉ phản ánh đối với các hoạt động sửa chữa đã hoàn thành).

Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:



The screenshot displays the VACOM software interface for the company "Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng - Năm 2011". The main window shows a list of accounting entries for transfer, with a pop-up window titled "KC (Insert đánh dấu, F2 xem, F4 mới, F10 kết chuyển, F8 xóa, Ctrl+F8 xóa trừ KC, Ctrl+..." open over it. The pop-up window shows a table of entries with columns for STT, Tên bút toán, Kết chuyển, TK nợ, TK có, and Ct.sp.

STT	Tên bút toán	Kết chuyển	TK nợ	TK có	Ct.sp
18	Kết chuyển chi phí khác	Nợ <---- Có	15484	62784	?
19	Kết chuyển chi phí nhân công lương	Nợ <---- Có	63211	15411	?
20	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	Nợ <---- Có	6324	1544	?
21	Kết chuyển chi phí Động lực	Nợ <---- Có	63283	15483	?
22	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL	Nợ <---- Có	6322	1542	?
23	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	Nợ <---- Có	6327	1547	?
24	Kết chuyển chi phí đăng kiểm	Nợ <---- Có	63286	15486	?
25	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ	Nợ <---- Có	63287	15487	?
26	Kết chuyển chi phí Độc hại	Nợ <---- Có	63288	15488	?
27	Kết chuyển chi phí bảo hiểm	Nợ <---- Có	63289	15489	?
28	Kết chuyển chi phí NVL Phụ	Nợ <---- Có	63280	15480	?
29	Kết chuyển chi phí điện thoại	Nợ <---- Có	63281	15481	?
30	Kết chuyển chi phí cảng phí	Nợ <---- Có	63282	15482	?
31	Kết chuyển chi phí hao hụt	Nợ <---- Có	63285	15485	?
32	Kết chuyển chi phí khác	Nợ <---- Có	63284	15484	?
33	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ	Nợ <---- Có	63212	15412	?
34	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH	Nợ <---- Có	63213	15413	?
35	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca	Nợ <---- Có	63214	15414	?
36	thuế VAT đầu vào	Nợ <---- Có	333111	1331	?

Sau khi chýõng trình ðã thực hiện xong, các bút toán kết chuyển giá vốn sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
1/06	PC 230	1/06	Mua chè nấu nước uống(Trịnh Thị Cẩm)	642818 1111	2.142.000	2.142.000
...
13/06	PC 254	13/06	Tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10(Nguyễn Văn Phong)	642816 133 1111	2.813.000 281.300	3.094.300
...
18/06	PC 257	18/06	TT chi phí đi công tác(Chu Văn Hùng)	6425 642815 13311 1111	245.455 3.360.195 360.565	3.966.215
...
20/06	NH	20/06	Trả tiền điện thoại T5/2011	642781 13311 1121	1.901.611 190.161	2.091.772
...
28/06	PC 266	28/06	Chi phí đi công tác(Chu Văn Hùng)	642815 13311 1111	2.978.636 258.364	3.237.000
29/06	NH	29/06	Trả tiền dịch vụ vệ sinh quý II/2011	642711 1121	1.890.000	1.890.000
...
30/06	PKT 03/THU	30/06	Phân bổ KH TSCĐ	6424 214	2.499.999	2.499.999
...
30/06	PKC 136	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công lương 15411 → 63211	63211 15411	1.290.901.738	1.290.901.738

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

30/06	PKC 137	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ 15412 → 63212	63212 15412	25.818.034	25.818.034
30/06	PKC 138	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH 15413 → 63213	63213 15413	139.218.594	139.518.294
30/06	PKC 139	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca 15414 → 63214	63214 15414	96.288.000	96.288.000
30/06	140	30/06	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ 1544 → 6324	6324 1544	89.951.319	89.951.319
30/06	141	30/06	Kết chuyển chi phí động lực 154 → 63283	63283 15483	112.610.628	112.610.628
30/06	142	30/06	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL 1542:SC → 6322:SC	6322 1542	6.971.615.912	6.971.615.912
30/06	143	30/06	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 1547 → 6327	6327 1547	207.830.150	207.830.150
30/06	144	30/06	Kết chuyển chi phí đăng kiểm 15486 → 63286	63286 15486	52.624.091	52.624.091
30/06	145	30/06	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ 15487 → 63287	63287 15487	91.654.546	91.654.546
30/06	146	30/06	Kết chuyển chi phí độc hại 15488 → 63288	63288 15488	42.312.465	42.312.465
30/06	147	30/06	Kết chuyển chi phí NVL Phụ 15480:SC → 63280:SC	63280 15480	216.597.046	216.597.046
30/06	148	30/06	Kết chuyển chi phí điện thoại 15481 → 63281	63281 15481	5.247.739	5.247.739
30/06	149	30/06	Kết chuyển chi phí khác 15484 → 63284	63284 15484	30.512.077	30.512.077
30/06	150	30/06	Kết chuyển chi phí CCDC 1543 → 6323	6323 1543	51.629.080	51.629.080

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 632-Gía vốn hàng bán

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 9.424.451.419 9.424.451.419

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
30/06	PKC 120	Kết chuyển chi phí nhân công lương 15411:SC → 63211	63211	1.290.901.738	
30/06	PKC 121	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ 1544:SC → 6324	6324	89.951.319	
30/06	PKC 122	Kết chuyển chi phí động lực 15483:SC → 63283	63283	112.610.628	
30/06	PKC 123	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL 1542:SC → 6322	6322	6.971.615.912	
30/06	PKC 124	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 1547:SC → 6327	6327	207.830.150	
30/06	PKC 125	Kết chuyển chi phí đăng kiểm 15486:SC → 63286	63286	52.624.091	
30/06	PKC 126	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ 15487:SC → 63287	63287	91.654.546	
30/06	PKC 127	Kết chuyển chi phí độc hại 15488:SC → 63288	63288	42.312.465	
30/06	PKC 128	Kết chuyển chi phí NVL Phụ 15480:SC → 63280:SC	63280	216.597.046	
30/06	PKC 129	Kết chuyển chi phí điện thoại 15481:SC → 63281	63281	5.247.739	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

30/06	PKC 130	Kết chuyển chi phí khác 15484:SC → 63284	63284	30.152.077	
30/06	PKC 131	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ 15412:SC → 63212	63212	25.818.034	
30/06	PKC 132	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH 15413:SC → 63213	63213	139.218.594	
30/06	PKC 133	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca 15414:SC → 63214	63214	96.288.000	
30/06	PKC 134	Kết chuyển chi phí CCDC 1543:SC → 6323	6323	51.629.080	
...
30/06	PKC 136	Kết chuyển chi phí nhân công lương 63211 → 911	911		1.290.901.738
30/06	PKC 137	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ 63212 → 911	911		25.818.034
30/06	PKC 138	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH 63213 → 911	911		139.218.594
30/06	PKC 139	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca 63214 → 911	911		96.288.000
30/06	PKC 140	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ 6324 → 911	911		89.951.319
30/06	PKC 141	Kết chuyển chi phí động lực 63283 → 911	911		112.610.628
30/06	PKC 142	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL 6322:SC → 911	911		6.971.615.912
30/06	PKC 143	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 6327 → 911	911		207.830.150
30/06	PKC 144	Kết chuyển chi phí đăng kiểm 63286 → 911	911		52.624.091
30/06	PKC 145	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ 63287 → 911	911		91.654.546
30/06	PKC 146	Kết chuyển chi phí độc hại 63288 → 63284911	911		42.312.465
30/06	PKC 147	Kết chuyển chi phí NVL Phụ 63280:SC → 911	911		216.597.046
30/06	PKC 148	Kết chuyển chi phí điện thoại 63281 → 911	911		5.247.739
30/06	PKC 149	Kết chuyển chi phí khác 63284 → 911	911		30.512.077
30/06	PKC 150	Kết chuyển chi phí CCDC 6323 → 911	911		51.629.080

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu, bao bì, VPP
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng, CCDC
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

➤ Các tài khoản cấp 3:

- TK 64211: Lương
- TK 64212: Kinh phí công đoàn
- TK 64213: BHXH – BHYT
- TK 64214: Chi ăn ca

➤ Các tài khoản cấp 4:

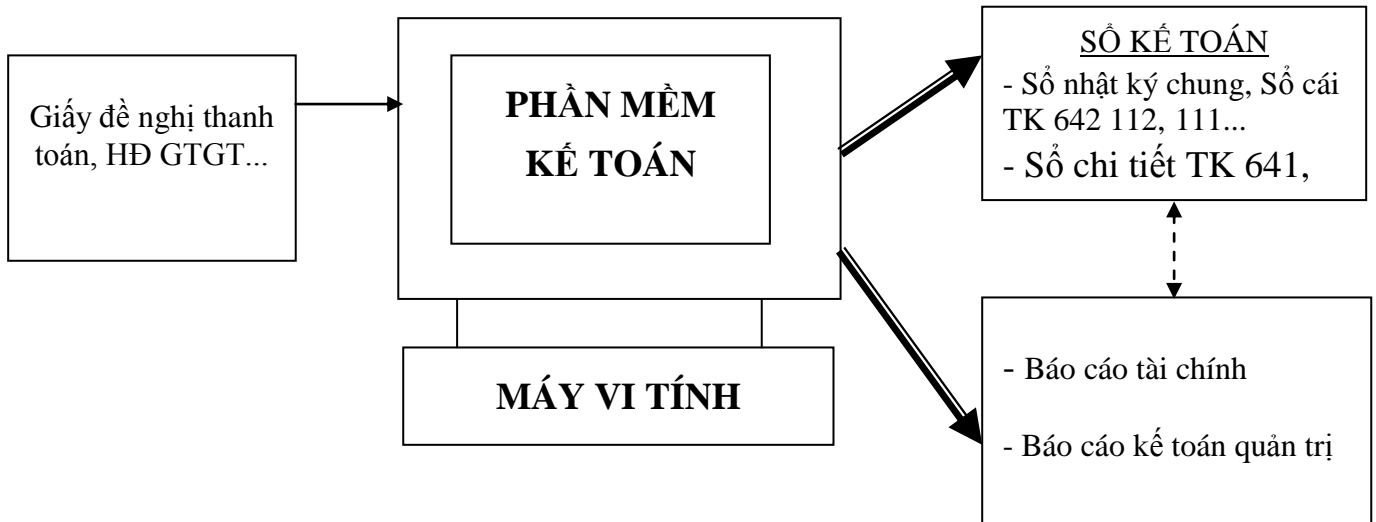
- TK 642704: Chi phí sửa chữa TSCĐ
 - TK 642705: Nhiên liệu, động lực
 - TK 642707: Chi phí bảo hiểm
 - TK 642708: Chi phí độc hại
 - TK 642711: Điện thoại, nước, dịch vụ mua ngoài
 - TK 642810: Chi phí đào tạo, tuyển dụng
 - TK 642815: Công tác phí
 - TK 642816: Chi phí giao dịch
-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- TK 642818: Chi phí khác

+ Phương pháp hạch toán:

**Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH
đóng tàu PTS Hải Phòng**



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

- Ví dụ 1:

Ngày 13/06/2011 công ty chi tiền mặt tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10 với tổng giá thanh toán là: 3.094.300 đồng theo hóa đơn GTGT số 0003638.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VACOM ACCOUNTING**, kế toán thanh toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Tiền mặt-Tiền gửi ngân hàng* → *Chứng từ tiền mặt tiền VND* → chọn *Phiếu chi tiền mặt VND* → nhập số liệu từ HĐ GTGT số 0003638 vào phần mềm → sau khi nhập đầy đủ số liệu vào phần mềm nhấn F10 để nhận.

Từ màn hình giao diện dưới đây ấn F7 để in *Phiếu chi*.

CT CỔ PHẦN VT&DV PETROLIMEX HP
CTY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: - Giám đốc Công ty

Tên tôi là: Nguyễn Văn Phong

Công tác tại: Phòng kế toán

Lý do thanh toán: tiếp khách

Căn cứ vào hóa đơn số 0003638 ngày 13 tháng 06 năm 2011.

Tổng số tiền: 3.094.300

Bằng chữ: Ba triệu không trăm chín mươi tư nghìn ba trăm đồng.

Đề nghị Giám đốc duyệt thanh toán số tiền trên.

Hải phòng, ngày 13 tháng 06 năm 2011

GIÁM ĐỐC

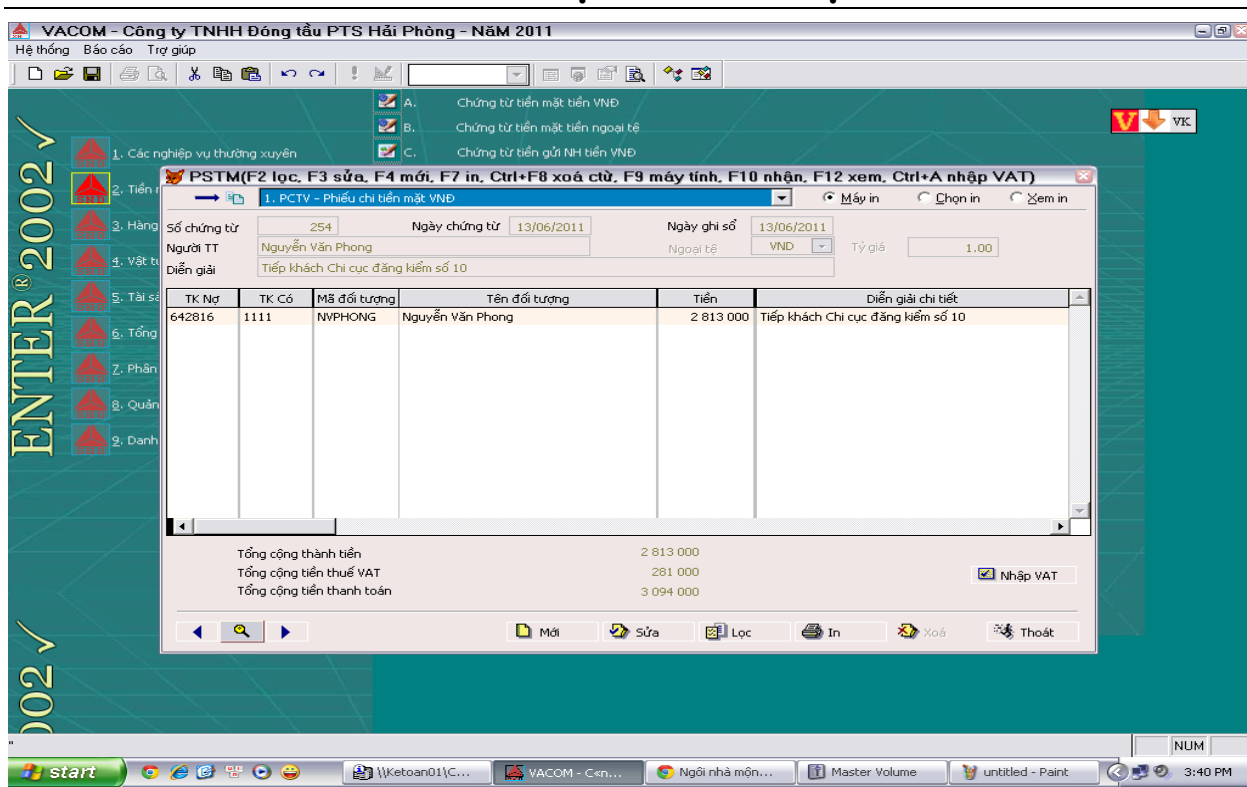
PHÒNG KẾ TOÁN

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
(Liên 2: Giao cho khách hàng)		Số: 0003638			
Ngày 13 tháng 06 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Mạnh Hoạch					
Địa chỉ: 189 đường Nguyễn Văn Linh, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MST: 0101394907		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 16 Ngô Quyền, Ngô Quyền, Hải phòng.					
Số TK: 2087040053479 tại Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – CN Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 0200820994		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Tiếp khách				2.813.000
Cộng tiền hàng:					2.813.000
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:		281.300	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.094.300
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 16 Ngô quyền, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200820994

Telefax: (84-031) 758560

Mẫu số 02 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Số CT: **254**

Ngày: 13/06/2011

Tài khoản ghi nợ: **642816 2.813.000**
1331 281.300

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Phong

Địa chỉ: Phòng KT - TC

Về khoản: Tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10

Số tiền: **3.094.300 đồng**

Bằng chữ: **Ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng.**

Kèm theo:01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày..../..../....

Nhận ngày 13 tháng 06 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ví dụ 2:

Ngày 30/06/2011, kế toán tiến hành phân bổ khấu hao TSCĐ quý II/2011 ở bộ phận quản lý doanh nghiệp với số tiền là 2.499.999 đồng.

Căn cứ vào bảng tính khấu hao mà kế toán TSCĐ đã tính, kế toán TSCĐ nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo trình tự sau.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm VACOM ACCOUNTING, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Tiền mặt-Tiền gửi ngân hàng* → *Phiếu kế toán tiền VND* → chọn *Phiếu kế toán khác VND* → nhập số liệu từ bảng phân bổ khấu hao vào phần mềm → sau khi nhập đầy đủ số liệu vào phần mềm nhấn F10 để nhận.

Từ màn hình giao diện trên ấn F7 để in *Phiếu kế toán khác VND*.

The screenshot shows the VACOM ACCOUNTING software interface. The main window is titled '1. PKKV - Phiếu kế toán khác VND'. The form contains the following data:

TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tiền	Diễn giải chi tiết
6424	2141			2 499 999	Phân bổ khấu hao TSCĐ Q2/2011
6274	2141			89 951 319	Phân bổ khấu hao TSCĐ Q2/2011

Summary values at the bottom of the form:

Tổng cộng thành tiền	92 451 318
Tổng cộng tiền thuế VAT	
Tổng cộng tiền thanh toán	92 451 318

The interface also shows a sidebar with navigation options (1-9) and a taskbar at the bottom with the Windows Start button and various application icons.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG TÍNH KHẤU HAO

STT	TK	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Mã ĐV	Nguyên giá	số năm KH	GTCL đầu kỳ	K.Hoạch KH năm 2011	Khấu hao Quý II/2011
			I.Sử dụng ở bộ phận sản xuất						
1	2112	1114	Máy đo tôn (mua T4)	6,1	13.367.220	10	0	0	0
2	2112	1114	Máy đo tôn	6,1	13.523.718	6	0	0	0
3	2112	1114	Máy khoan từ (Nhật)	6,1	18.886.701	10	0	0	0
5	2112	1114	Máy phun sơn (Mỹ)	6,1	39.952.469	10	0	0	0
6	2112	1114	Máy phun cát (Anh)	6,1	47.409.633	10	0	0	0
7	2112	1114	2 Kích thuỷ lực Masada Nhật(100T)	6,1	47.571.430	10	0	0	0
8	2112	1114	Máy uốn tôn	6,1	79.500.002	6	0	0	0
...
22	2112	1114	Máy hàn	6,1	44.091.600	6	0	0	0
23	2112	1114	Máy tiện TAKISAWA	6,1	67.500.000	6	0	0	0
26	2112	1114	Máy chấn tôn INOUE200T*2500	6,1	142.000.000	8	20.708.306	17.750.000	4.437.501
27	2112	1114	Máy uốn ống đa năng	6,1	33.922.960	6	0	0	0
29	2112	1114	Máy đo nồng độ Portable Combination Gas Indication GX7	6,1	28.140.000	8	5.276.250	3.517.500	879.375
30	2112	1114	Máy hàn 6 mỏ	6,1	44.164.400	8	8.280.812	5.520.550	1.380.138

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

31	2112	1114	Máy tiện OYAKIKAI đã qua sử dụng	6,1	180.952.381	7	25.850.341	25.850.340	6.462.585
...
48	2112	1114	Máy cắt tự động (2 bộ) Nhật	6,1	29.700.000	6	12.375.000	4.950.000	1.237.500
49	2112	1114	2 Kích thuỷ lực TQ (200T)	6,1	44.682.400	6	18.617.662	7.447.067	1.861.767
50	2113	11181	Xe ô tô cầu 5 tấn	6,1	486.771.891	10	336.687.400	48.677.189	12.169.296
51	2112	1114	Máy phun sơn (Mỹ)	6,1	36.000.000	6	22.500.000	6.000.000	1.500.000
52	2112	1114	Kích Nhật (1 chiếc, 100T)	6,1	32.000.000	6	21.777.786	5.333.333	1.333.332
53	2112	1114	Máy siêu âm đo chiều dày tôn	6,1	12.000.000	6	8.833.327	2.000.000	500.001
54	2112	1114	Máy hàn (2cái)	6,1	22.000.000	8	17.874.994	2.750.000	687.501
55	2113	11181	Xe nâng hàng 1,5 tấn	6,1	80.000.000	6	64.444.446	13.333.333	3.333.333
56	2112	1114	Máy hàn WT-400DC	6,1	20.500.000	6	17.368.058	3.416.667	854.166
57	2118	1119	Túi khí phục vụ hạ thuỷ tàu	6,1	103.032.000	4	77.274.000	25.758.000	6.439.500
58	2112	1114	Máy nén khí KAISER	6,1	250.000.000	6	215.277.780	41.666.667	10.416.666
			Cộng		4.144.673.299	388	1.280.349.714	359.805.277	89.951.319
			II. Sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp						
1	2113	11181	Xe ô tô TOYOTA zace	6	30.000.000	3	7.500.009	10.000.000	2.499.999
			Cộng		30.000.000	3	7.500.009	10.000.000	2.499.999
			Tổng cộng		4.174.673.299	391	1.287.849.723	369.805.277	92.451.318

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

Mã số thuế: 0200820994

Teleax: (84-031) 758560

Phiếu số: 03/THU

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 30/06/2011

Khách hàng : Nguyễn Thị Lê Thu

Số tiền: 2.499.999 Đồng

Viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
6424	214	2.499.999	Chi phí khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý doanh nghiệp

Người lập phiếu

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

Để xem Nhật ký chung, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột và *Báo cáo*→chọn *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ nhật ký chung*→chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Nhật ký chung kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Để xem (in) *Sổ cái*, từ phân hệ *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ cái tài khoản theo ngày*→ chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in *Sổ cái* kích chọn *in thẳng ra máy in*).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
01/06	PC 230	01/06	Mua chè nấu nước uống (Trịnh Thị Cẩm)	642818 1111	2.142.000	2.142.000
...
13/06	PC 254	13/06	Tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10 (Nguyễn Văn Phong)	642816 1331 1111	2.813.000 281.300	3.094.300
...
18/06	PC 257	18/06	TT chi phí đi công tác (Chu Văn Hùng)	642815 13311 1111	3.360.195 360.565	3.720.760
...
20/06	NH	20/06	Trả tiền điện thoại T5/2011	642711 13311 1121	1.901.611 190.161	2.091.772
...
28/06	PC 266	28/06	Chi phí đi công tác (Chu Văn Hùng)	642815 13311 1111	2.978.636 258.364	3.237.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

29/06	NH	29/06	Trả tiền dịch vụ vệ sinh quý II/2011	642711 1121	1.890.000	1.890.000
...
30/06	PKT 03/THU	30/06	Phân bổ KH TSCĐ	6424 2141	2.499.999	2.499.999
30/06	PKC 163	30/06	Kết chuyển chi phí QLDN 642 → 911	911	916.832.827	
			Lương	64211		601.590.478
			KPCĐ	64212		12.031.810
			BHXH – BHYT	64213		60.994.423
			Chi ăn ca	64214		42.612.000
			CP vật liệu, bao bì, VPP	6422		4.300.000
			CP đồ dùng vp, CCDC	6423		6.675.783
			CP khấu hao TSCĐ	6424		2.499.999
			Thuế, phí, lệ phí	6425		2.245.455
			CP sửa chữa TSCĐ	642704		2.500.000
			Nhiên liệu, động lực	642705		12.512.292
			CP bảo hiểm	642707		9.800.000
			CP độc hại	642708		4.754.075
			Điện thoại, nước, dv mua ngoài	642711		81.727.179
			CP tuyển dụng	642810		8.700.000
			Công tác phí	642815		27.337.263
			CP giao dịch	642816		14.687.376
			CP khác	642818		21.864.694
...

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 28: Trích sổ cái TK 642 quý II/2011

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 916.832.827 916.832.827

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...	
1/06	PC 230	Mua chè nấu nước uống(Trịnh Thị Cẩm)	1111	2.142.000	
...	
13/06	PC 254	Tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10(Nguyễn Văn Phong)	1111	2.813.000	
...	
18/06	PC 257	TT chi phí đi công tác(Chu Văn Hùng)	1111	3.360.195	
...	
20/06	NH	Trả tiền điện thoại T5/2011	1121	1.901.611	
...	
30/06	PKT 03/THU	Phân bổ KH TSCĐ	214	2.499.999	
30/06	PKC163	Kết chuyển chi phí NVKD 642 → 911 Lương KPCĐ BHXH – BHYT Chi ăn ca CP vật liệu, bao bì, VPP CP đồ dùng vp, CCDC CP khấu hao TSCĐ Thuế, phí, lệ phí CP sửa chữa TSCĐ Nhiên liệu, động lực CP bảo hiểm CP độc hại Điện thoại, nước, dv mua ngoài CP tuyển dụng Công tác phí CP giao dịch CP khác	911		601.590.478 12.031.810 60.994.423 42.612.000 4.300.000 6.675.783 2.499.999 2.245.455 2.500.000 12.512.292 9.800.000 4.754.075 81.727.179 8.700.000 27.337.263 14.687.376 21.864.694

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán khác
- Các chứng từ khác có liên quan

+ Tài khoản sử dụng:

TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp "

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 3334 "Thuế thu nhập doanh nghiệp "

+ Phương pháp hạch toán:

Cuối mỗi quý, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả lãi lỗ. Cuối quý, kế toán vào phân hệ *Báo cáo* → *Báo cáo tài chính* để lập *báo cáo kết quả kinh doanh* trên phần mềm kế toán máy. Kế toán sẽ lấy số liệu của chỉ tiêu "*tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*" trên Báo cáo kết quả kinh doanh của mỗi quý, để tiến hành xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN bằng cách tính thủ công. Sau đó cập nhật số liệu vào *phiếu kế toán* xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển, phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821.

Chi phí thuế TNDN = (Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Lýõng kiêm nhiệm HĐQT, Kiểm soát viên) x 25%

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		VI.25	14.915.699.618	10.534.882.034
2.Các khoản giảm trừ			0	0
3.DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ		VI.28	14.915.699.618	10.534.882.034
4.Giá vốn hàng bán			13.542.648.923	9.424.451.419
5.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			1.373.050.695	1.110.430.615
6.Doanh thu hoạt động tài chính		VI.29	4.982.563	6.899.697
7.Chi phí tài chính Trong đó: Lãi vay phải trả		VI.30	0	0
8.Chi phí bán hàng			0	0
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp			879.151.186	916.832.827
10.Lợi nhuận thuần từ HĐKD			498.882.072	200.497.485
11.Thu nhập khác			5.454.545	0
12.Chi phí khác			1.900.000	0
13.Lợi nhuận khác			3.554.545	0
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			502.436.617	200.497.485
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành		VI.31	125.609.154	52.565.045
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại		VI.31	0	0
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN			367.827.463	147.932.440
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu			0	0

Người lập biểu
(Ký,Họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,Họ tên)

Lập,ngày tháng năm 2011
Giám đốc
(Ký,Họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

Tại ngày 30/06/2011, công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý II/2011.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh quý II/2011, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng 200.497.485 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN phải nộp quý II} &= (200.497.485 + 2.500.000 \times 3) \times 25\% \\ &+ 565.674 \\ &= 52.565.045 \text{ đồng} \end{aligned}$$

(Tại quý II, công ty điều chỉnh thuế TNDN do quý I tính thiếu số tiền lương của HĐQT).

Sau khi tính được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý II/2011, kế toán lập phiếu kế toán khác xác định số thuế TNDN tạm tính quý II/2011.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VACOM ACCOUNTING**, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Tiền mặt-Tiền gửi ngân hàng* → *Phiếu kế toán tiền VNĐ* → chọn *Phiếu kế toán khác VNĐ* → nhập số liệu từ Excel vào phần mềm → sau khi nhập đầy đủ số liệu vào phần mềm nhấn F10 để nhận.

Từ màn hình giao diện trên ấn F7 để in *Phiếu kế toán khác VNĐ*.

Để xem Nhật ký chung, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột và *Báo cáo* → chọn *Báo cáo Nhật ký chung* → chọn *Sổ nhật ký chung* → chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Nhật ký chung kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Để xem (in) *Sổ cái*, từ phân hệ *Báo cáo Nhật ký chung* → chọn *Sổ cái tài khoản theo ngày* → chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in *Sổ cái* kích chọn *in thẳng ra máy in*).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

Mã số thuế: 0200820994

Teleax: (84-031) 758560

Phiếu số: 82/AU

PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC VNĐ

Ngày 30/06/2011

Khách hàng : Nguyễn Thị Đông Âu

Số tiền: 52.565.045 Đồng

Viết bằng chữ: Năm hai triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn không trăm bốn năm đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
8211	3334	52.565.045	Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý II/2011

Người lập phiếu

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Mẫu số **S03a-DN**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày , tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
1/06	PC 230	1/06	Mua chè nấu nước uống(Trịnh Thị Cẩm)	642818 1111	2.142.000	2.142.000
...
13/06	PC 254	13/06	Tiếp khách chi cục đăng kiểm số 10(Nguyễn Văn Phong)	642816 1331 1111	2.813.000 281.300	3.094.300
...
18/06	PC 257	18/06	TT chi phí đi công tác(Chu Văn Hùng)	642815 1331 1111	3.360.195 360.565	3.720.760
...
20/06	NH	20/06	Trả tiền điện thoại T5/2011	642711 13311 1121	1.901.611 190.161	2.091.772
...
28/06	PC 266	28/06	Chi phí đi công tác(Chu Văn Hùng)	642815 13311 1111	2.978.636 258.364	3.237.000
30/06	PKT 82/AU	30/06	Chi phí thuế TNDN	8211 3334	52.565.045	52.565.045
...

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng
BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 52.565.045

52.565.045

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
30/06	PKT 82/AU	Chi phí thuế TNDN	3334	52.565.045	
30/06	PKC 154	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911		52.565.045

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản sử dụng:

TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 421 "Lợi nhuận chưa phân phối"

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 4211: Lãi năm trước
- TK 4212: Lãi năm nay

Tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng quý. Cuối quý, kế toán tổng hợp vào phân hệ *Phân bổ - kết chuyển* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động* để kết chuyển tổng số phát sinh trong quý của các TK từ loại 5 đến loại 9, xác định kết quả lãi lỗ trong quý.

Ví dụ minh họa:

Ngày 30/06/2011, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng quý II/2011.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Phân bổ - kết chuyển* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động*.

Sau đó, chọn quý kết chuyển : Quý II năm 2011 → Chọn toàn bộ bằng cách ấn Insert để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển. Chọn tháng cần kết chuyển là tháng 6. Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

The screenshot displays the VACOM software interface for the company 'Công ty TNHH Đông tầu PTS Hải Phòng - Năm 2011'. The main window shows a list of accounting entries (bút toán) for automatic transfer. A dialog box titled 'KC (Insert đánh dấu, F2 xem, F4 mới, F10 kết chuyển, F8 xóa, Ctrl+F8 xóa trừ KC, Ctrl...)' is open, showing a table of entries for month 6.

STT	Tên bút toán	Kết chuyển	TK nợ	TK có	Ct.sp
38	Kết chuyển chi phí tài chính	Nợ <---- Có	911	635	?
39	Kết chuyển chi phí nhân công lương	Nợ <---- Có	911	63211	?
40	Kết chuyển chi phí nhân công KPCD	Nợ <---- Có	911	63212	?
41	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH	Nợ <---- Có	911	63213	?
42	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca	Nợ <---- Có	911	63214	?
43	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	Nợ <---- Có	911	6324	?
44	Kết chuyển chi phí Động lực	Nợ <---- Có	911	63283	?
45	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL	Nợ <---- Có	911	6322	?
46	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	Nợ <---- Có	911	6327	?
47	Kết chuyển chi phí đăng kiểm	Nợ <---- Có	911	63286	?
48	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ	Nợ <---- Có	911	63287	?
49	Kết chuyển chi phí Độc hại	Nợ <---- Có	911	63288	?
50	Kết chuyển chi phí bảo hiểm	Nợ <---- Có	911	63289	?
51	Kết chuyển chi phí NVL Phụ	Nợ <---- Có	911	63280	?
52	Kết chuyển chi phí điện thoại	Nợ <---- Có	911	63281	?
53	Kết chuyển chi phí cảng phí	Nợ <---- Có	911	63282	?
54	Kết chuyển chi phí hao hụt	Nợ <---- Có	911	63285	?
55	Kết chuyển chi phí khác	Nợ <---- Có	911	63284	?
56	Kết chuyển thu nhập hoạt động khác bồi thường	Nợ <---- Có	7111	911	?

Sau khi chững trình đã thực hiện xong, các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, Sổ cái TK 421.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

Mẫu số **S03a-DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 101.833.001.481 101.833.001.481

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
30/06	PKC 136	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công lương 63211 → 911	911 63211	1.290.901.738	1.290.901.738
30/06	PKC 137	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ 63212 → 911	911 63212	25.818.034	25.818.034
30/06	PKC 138	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH 63213 → 911	911 63213	139.218.594	139.518.294
30/06	PKC 139	30/06	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca 63214 → 911	911 63214	96.288.000	96.288.000
30/06	PKC 140	30/06	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ 6324 → 911	911 6324	89.951.319	89.951.319
30/06	PKC 141	30/06	Kết chuyển chi phí động lực 63283 → 911	911 63283	112.610.628	112.610.628
30/06	PKC 142	30/06	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL 6322:SC → 911	911 6322	6.971.615.912	6.971.615.912
30/06	PKC 143	30/06	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 6327 → 911	911 6327	207.830.150	207.830.150
30/06	PKC 144	30/06	Kết chuyển chi phí đăng kiểm 63286 → 911	911 63286	52.624.091	52.624.091
30/06	PKC 145	30/06	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ 63287 → 911	911 63287	91.654.546	91.654.546
30/06	PKC 146	30/06	Kết chuyển chi phí độc hại 63288 → 63284911	911 63288	42.312.465	42.312.465
30/06	PKC 147	30/06	Kết chuyển chi phí NVL Phụ 63280:SC → 911	911 63280	216.597.046	216.597.046
30/06	PKC 148	30/06	Kết chuyển chi phí điện thoại 63281 → 911	911 63281	5.247.739	5.247.739
30/06	PKC 149	30/06	Kết chuyển chi phí khác 63284 → 911	911 63284	30.512.077	30.512.077
30/06	PKC 150	30/06	Kết chuyển chi phí CCDC 6323 → 911	911 6323	51.629.080	51.629.080
30/06	PKC	30/06	Kết chuyển doanh thu cung	5113	10.504.882.034	10.504.882.034

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	151		cấp dịch vụ sửa chữa 5113SC → 911	911		
30/06	PKC 152	30/06	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ khác 51138 → 911	51138 911	30.000.000	30.000.000
30/06	PKC 153	30/06	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5151 → 911	5151 911	6.899.967	6.899.967

30/06	PKC 163	30/06	Kết chuyển chi phí NVKD 642 → 911	911	916.832.827	
			Lương	64211		601.590.478
			KPCĐ	64212		12.031.810
			BHXH – BHYT	64213		60.994.423
			Chi ăn ca	64214		42.612.000
			CP vật liệu, bao bì, VPP	6422		4.300.000
			CP đồ dùng vp, CCDC	6423		6.675.783
			CP khấu hao TSCĐ	6424		2.499.999
			Thuế, phí, lệ phí	6425		2.245.455
			CP sửa chữa TSCĐ	642704		2.500.000
			Nhiên liệu, động lực	642705		12.512.292
			CP bảo hiểm	642707		9.800.000
			CP độc hại	642708		4.754.075
			Điện thoại, nước, dv mua ngoài	642711		81.727.179
			CP tuyển dụng	642810		8.700.000
			Công tác phí	642815		27.337.263
			CP giao dịch	642816		14.687.376
			CP khác	642818		21.864.694
30/06	PKC 165	30/06	Kết chuyển lãi 911 → 4212	911 4212	147.932.440	147.932.440
30/06	PKC 154	30/06	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911 8211	52.565.045	52.565.045

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 10.541.781.731 10.541.781.731

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
30/06	PKC 136	Kết chuyển chi phí nhân công lương 63211 → 911	63211	1.290.901.738	
30/06	PKC 137	Kết chuyển chi phí nhân công KPCĐ 63212 → 911	63212	25.818.034	
30/06	PKC 138	Kết chuyển chi phí nhân công BHXH 63213 → 911	63213	139.218.594	
30/06	PKC 139	Kết chuyển chi phí nhân công ăn ca 63214 → 911	63214	96.288.000	
30/06	PKC 140	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ 6324 → 911	6324	89.951.319	
30/06	PKC 141	Kết chuyển chi phí động lực 63283 → 911	63283	112.610.628	
30/06	PKC 142	Kết chuyển chi phí Nhiên liệu, NVL 6322:SC → 911	6322	6.971.615.912	
30/06	PKC 143	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 6327 → 911	6327	207.830.150	
30/06	PKC 144	Kết chuyển chi phí đăng kiểm 63286 → 911	63286	52.624.091	
30/06	PKC 145	Kết chuyển chi phí SC TSCĐ 63287 → 911	63287	91.654.546	
30/06	PKC 146	Kết chuyển chi phí độc hại 63288 → 63284911	63288	42.312.465	
30/06	PKC 147	Kết chuyển chi phí NVL Phụ 63280:SC → 911	63280	216.597.046	
30/06	PKC 148	Kết chuyển chi phí điện thoại 63281 → 911	63281	5.247.739	
30/06	PKC	Kết chuyển chi phí khác	63284	30.512.077	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	149	63284 → 911			
30/06	PKC 150	Kết chuyển chi phí CCDC 6323 → 911	6323	51.629.080	
30/06	PKC 151	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa 5113SC → 911	5113		10.504.882.034
30/06	PKC 152	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ khác 51138 → 911	51138		30.000.000
30/06	PKC 153	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5151 → 911	5151		6.899.967
30/06	PKC 163	Kết chuyển chi phí NVKD 642 → 911 Lương KPCĐ BHXH – BHYT Chi ăn ca CP vật liệu, bao bì, VPP CP đồ dùng v.p, CCDC CP khấu hao TSCĐ Thuế, phí, lệ phí CP sửa chữa TSCĐ Nhiên liệu, động lực CP bảo hiểm CP độc hại Điện thoại, nước, dv mua ngoài CP tuyển dụng Công tác phí CP giao dịch CP khác	911		601.590.478 12.031.810 60.994.423 42.612.000 4.300.000 6.675.783 2.499.999 2.245.455 2.500.000 12.512.292 9.800.000 4.754.075 81.727.179 8.700.000 27.337.263 14.687.376 21.864.694
	
30/06	PKC 165	Kết chuyển lãi 911 → 4212	4212	147.932.440	
30/06	PKC 154	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	52.565.045	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 421-Lợi nhuận chưa phân phối

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 10.541.781.731 10.541.781.731

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKC 165	Kết chuyển lãi 911 → 4212	911		147.932.440

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3:

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG
TÀU PTS HẢI PHÒNG**

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên đảm nhận những chức năng nhiệm vụ riêng. Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo và điều hành các nhân viên trong phòng kế toán, kế toán trưởng nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để từ đó phát hiện những sai sót và có biện pháp xử lý kịp thời. Mặt khác giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành có liên quan. Bộ phận kế toán của công ty có nhiệm vụ thu thập, xử lý các thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình hạch toán kế toán và cung cấp thông tin tài chính phục vụ tốt công tác quản lý tài chính của công ty.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao (trình độ đại học) và giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình trong công việc chính vì thế công tác kế toán tại công ty được thực hiện khá chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.
- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

❖ Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về hoạt động cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối mỗi quý, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc. Vì thế, kết quả về hoạt động kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán VACOM do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp VACOM cung cấp. Phần mềm kế toán VACOM có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng:

Hiện nay, công ty đã mở tài khoản chi tiết cấp 2 cho tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và tài khoản chi tiết cấp 3 cho tài khoản 5113 "Doanh thu cung cấp dịch vụ":

- TK 5113 "Doanh thu cung cấp dịch vụ"
- + TK 5113SC "Doanh thu hoạt động sửa chữa"
- + TK 51138 "Doanh thu dịch vụ khác"

Nhưng công ty vẫn theo dõi doanh thu hoạt động sửa chữa và doanh thu hoạt động đóng mới trên cùng TK 5113SC. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc theo dõi, nắm bắt nhanh tình hình doanh thu của từng hoạt động cụ thể và không đánh giá, so sánh được hiệu quả kinh doanh của từng hoạt động.

3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng:

Công ty không mở sổ chi tiết doanh thu để theo dõi doanh thu cho từng hoạt động cụ thể. Do đó nhà quản trị khó nắm bắt được doanh thu của từng hoạt động.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên cạnh đó công ty cũng chưa mở sổ chi tiết cho TK 642 nên sẽ khó quản lý được các yếu tố Chi phí.

3.1.2.3. Về việc chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:

3.2.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng:

Do doanh thu dịch vụ của công ty chủ yếu là hoạt động sửa chữa và đóng mới vì thế Công ty nên mở tài khoản chi tiết cấp 3 cho Tài khoản 5113 "Doanh thu cung cấp dịch vụ" để theo dõi doanh thu từng hoạt động cụ thể:

- TK 51131: "Doanh thu sửa chữa"
- TK 51132: "Doanh thu đóng mới"

3.2.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng:

Công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu để theo dõi doanh thu từng hoạt động.

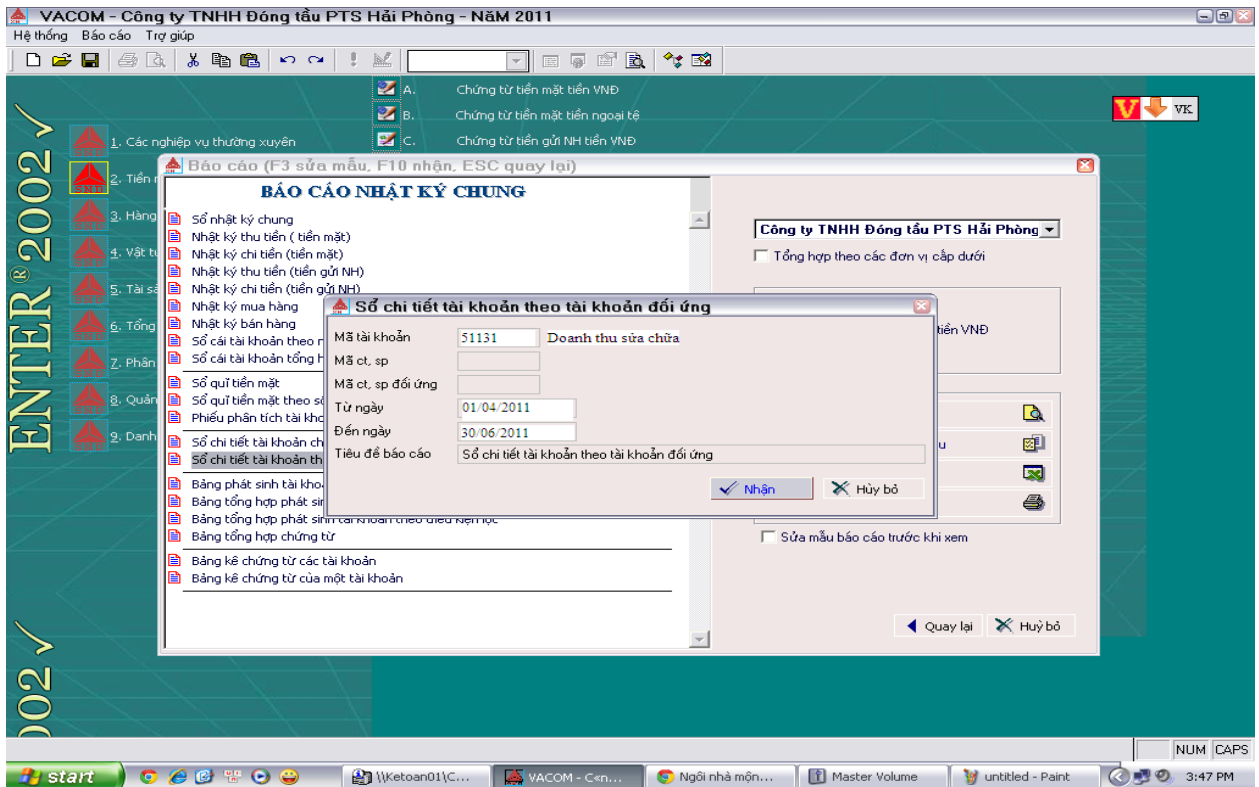
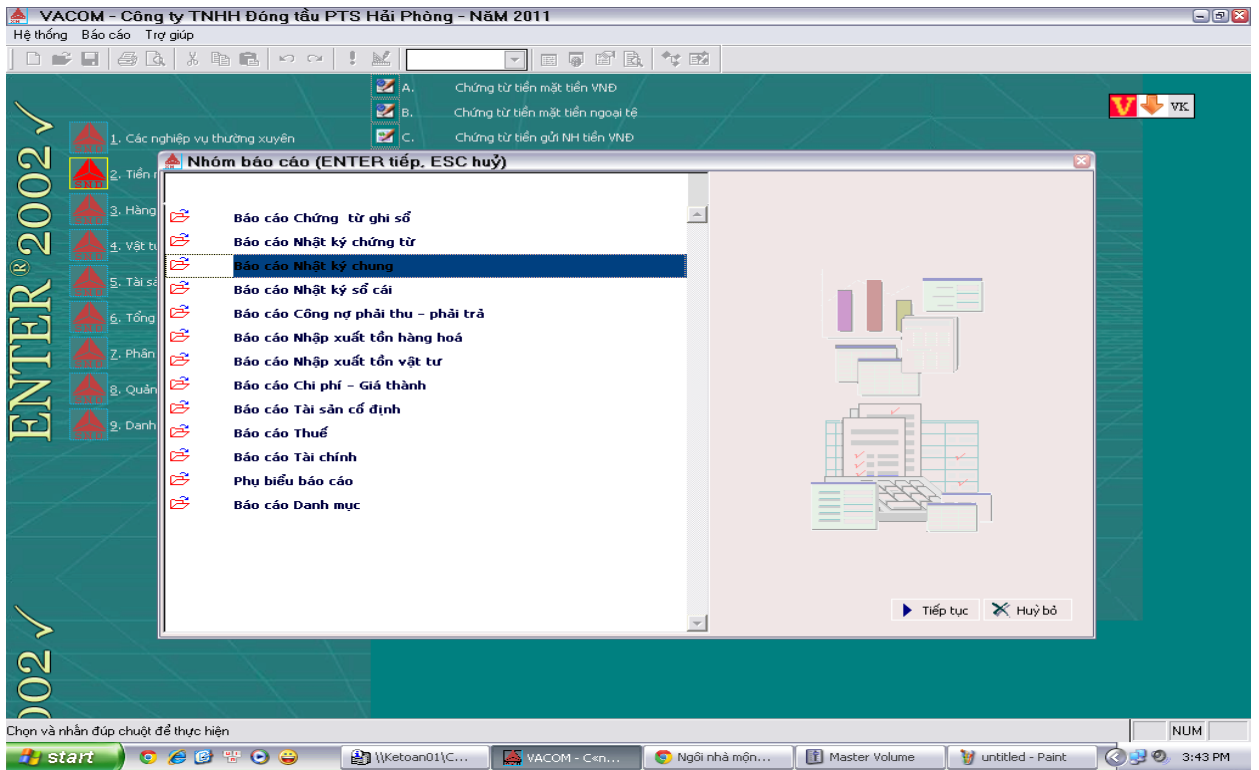
Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VACOM ACCOUNTING**, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm.

Để xem (in) Sổ chi tiết tài khoản đối ứng, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột và *Báo cáo* → chọn *Báo cáo Nhật ký chung* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng* → chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Sổ chi tiết kích chọn *in thẳng ra máy in*).

Ấn F10 để nhận các thao tác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình phân hệ nhóm báo cáo



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 51131 - Doanh thu sửa chữa

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 8.651.816.615 8.651.816.615

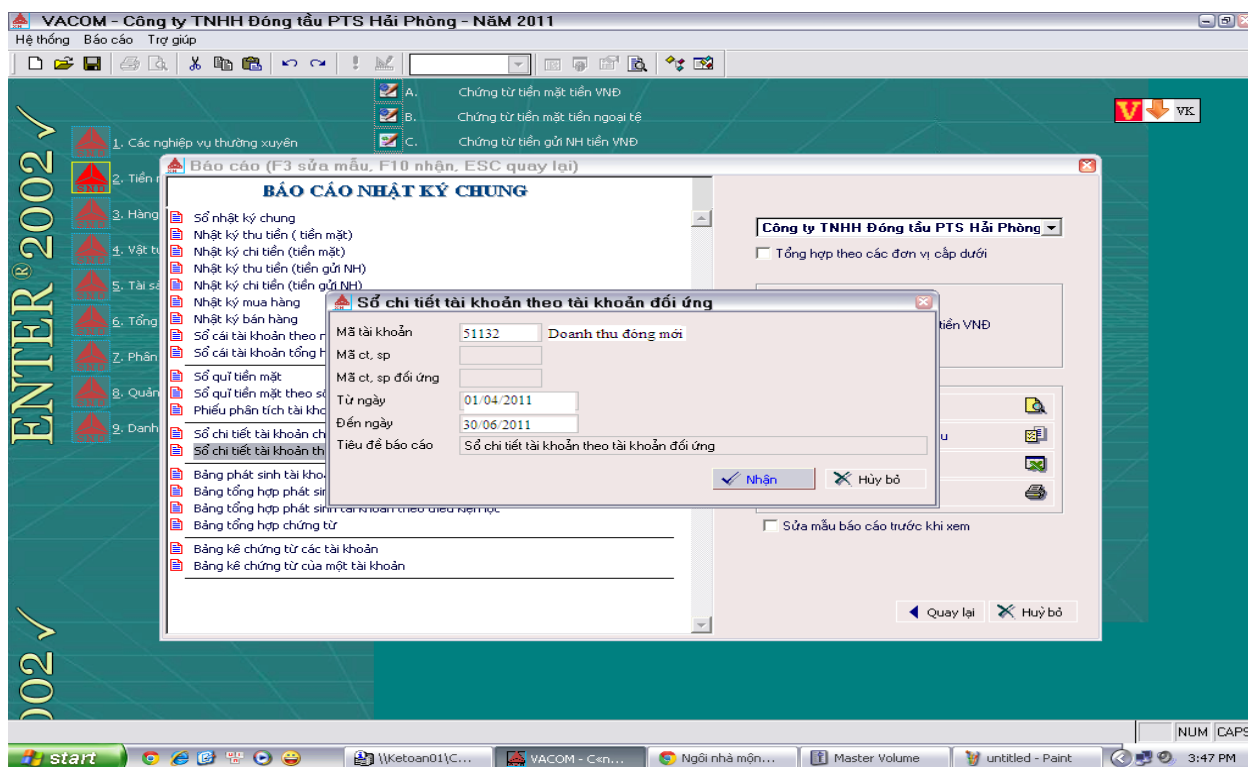
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
...
03/06	PKT 60/AU	Doanh thu sc tàu Petrolimex 16(Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO)	131SC		27.741.613
06/06	PKT 61/AU	Doanh thu hoán cải tàu PTS05(Công ty PTS HP)	131SC		565.904.844
...
09/06	PKT 63/AU	Doanh thu sc tàu PTS12 – HC(Công ty PTS HP)	131SC		734.067.095
10/06	PKT 64/AU	Doanh thu sc tàu PTS01 – ĐK(Công ty PTS HP)	131SC		1.459.243.421
...
30/06	PKT 72/AU	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu Mạnh Hưng (Công ty TNHH Mạnh Hưng)	131SC		191.909.091
30/06	PKT 73/AU	Doanh thu sửa chữa trên đà tàu H07 (Công ty xăng dầu khu vực III)	131SC		631.995.829
...
30/06	PKC 151	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ SC 51131→911	911	8.651.816.615	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 51132 - Doanh thu đóng mới

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 1.823.065.419 1.823.065.419

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKT 76/AU	Doanh thu đóng mới tàu Bạch Đằng 36 (Công ty cổ phần thương mại Đức Thành)	131SC		1.823.065.419
30/06	PKC 151	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ SC 51132→911	911	1.823.065.419	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

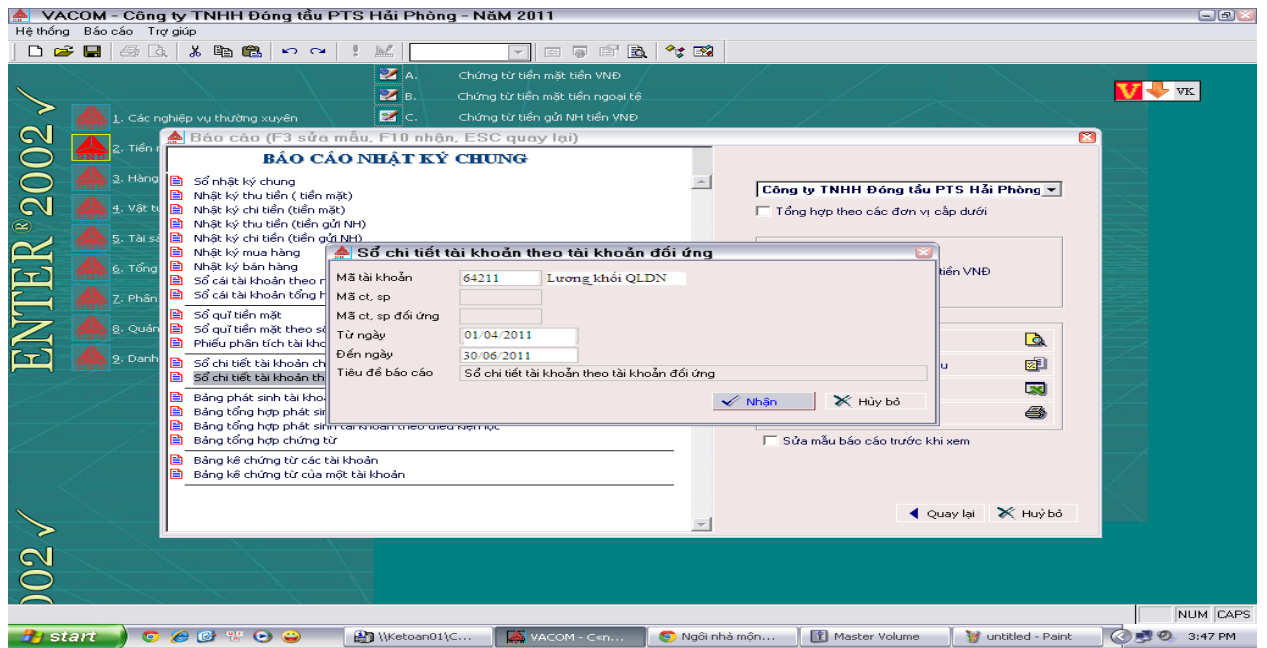
Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty nên mở sổ chi tiết Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm theo dõi từng khoản mục chi phí phát sinh giúp cho nhà quản lý có thể theo dõi nắm bắt thuận tiện hơn.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VACOM ACCOUNTING**, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm.

Để xem (in) Sổ chi tiết tài khoản đối ứng, từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột vào *Báo cáo* → chọn *Báo cáo Nhật ký chung* → chọn *Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng* → chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Sổ chi tiết kích chọn *in thẳng ra máy in*).



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 64211 – Lương khối QLDN

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 601.590.478 601.590.478

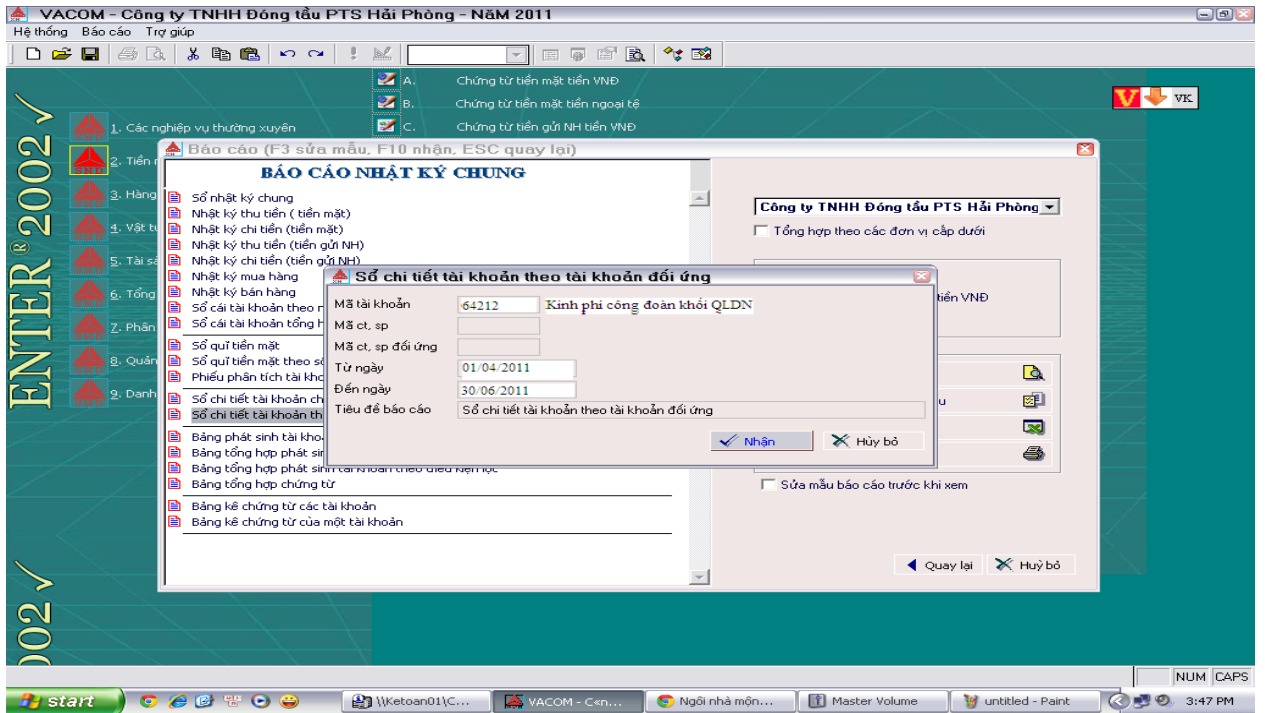
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKT 77/AU	Chi phí tiền lương khối QLDN quý 2 năm 2011	33411		601.590.478
30/06	PKC 163	Kết chuyển chi phí lương khối QLDN 64211 → 911	911	601.590.478	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 64212 – Kinh phí công đoàn khối QLDN

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 12.031.810 12.031.810

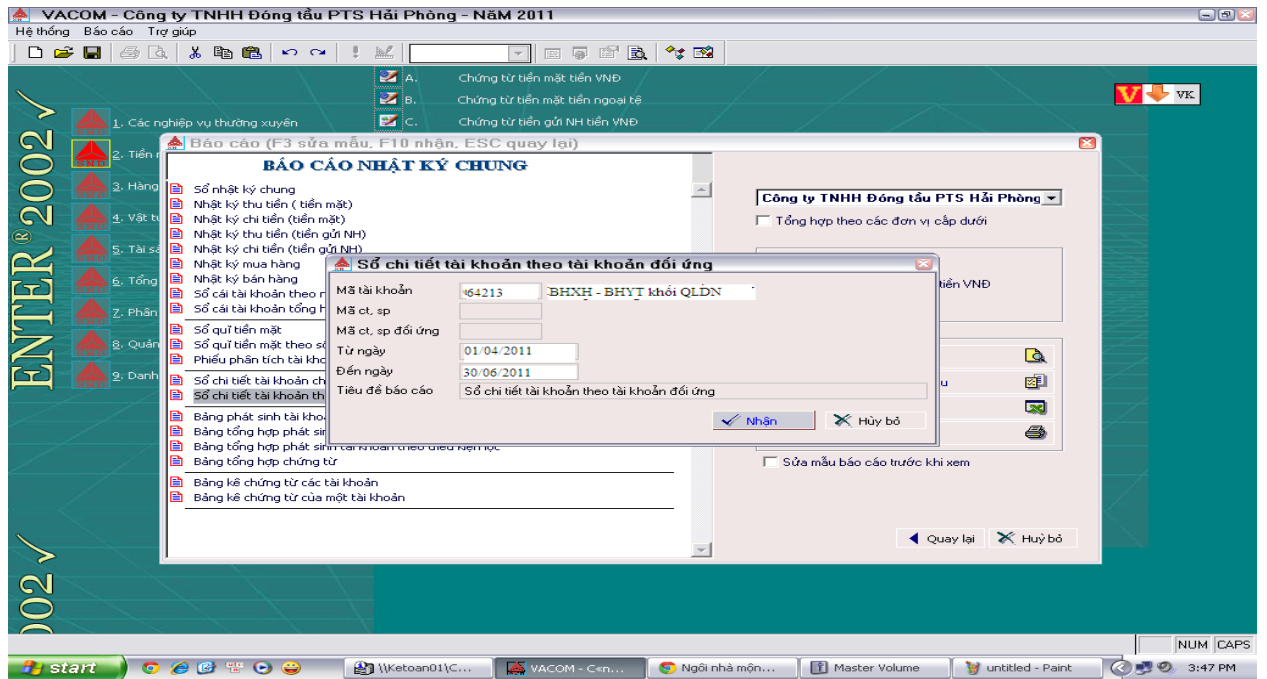
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKT 77/AU	Chi phí kinh phí công đoàn khối QLDN	3382		12/031.810
30/06	PKC 163	Kết chuyển chi phí kinh phí công đoàn khối QLDN 64212 → 911	911	12.031.810	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 64213 – BHXH - BHYT khối QLDN

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 60.994.423 60.994.423

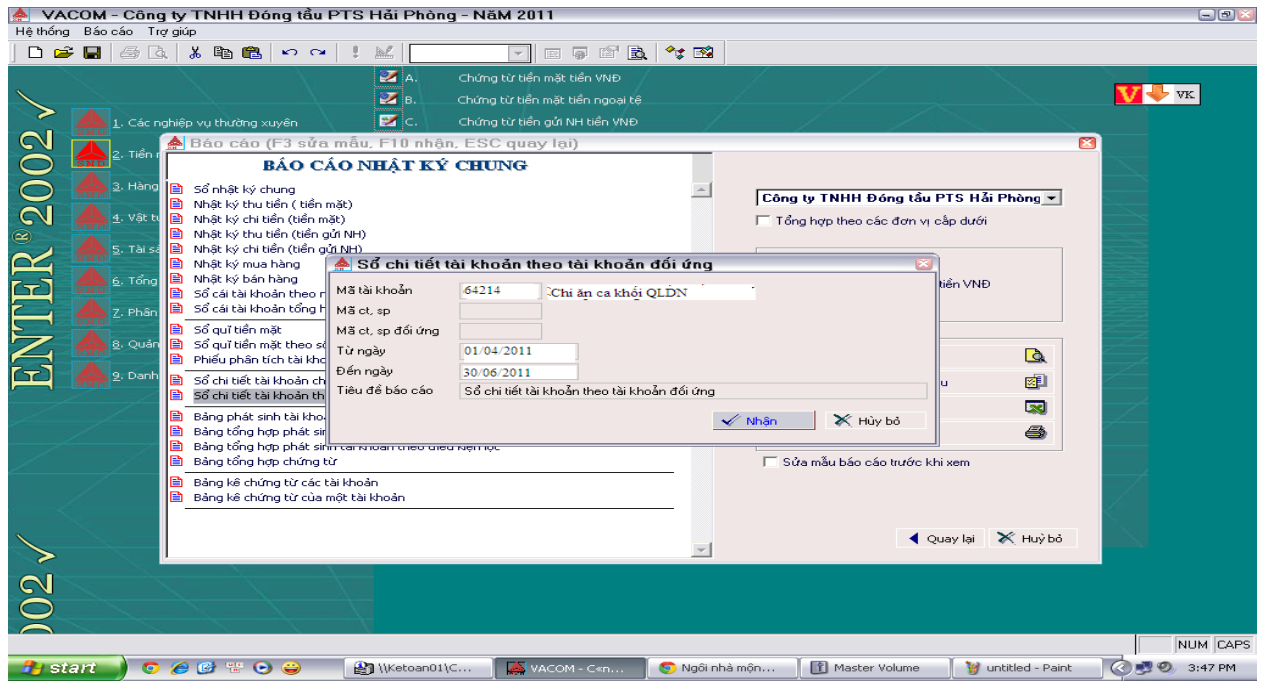
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKT 77/AU	Chi phí BHXH khối QLDN	3383		48.795.536
30/06	PKT 77/AU	Chi phí BHYT khối QLDN	3384		9.149.166
30/06	PKC 163	Kết chuyển chi phí BHXH – BHYT khối QLDN 64213 → 911	911	60.994.423	

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 64214 – Chi ăn ca khối QLDN

Dư nợ đầu kỳ:

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ:

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 42.612.000 42.612.000

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN	PHÁT SINH	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
30/06	PKT 77/AU	Chi phí BHYT khối QLDN	3384		42.612.000
30/06	PKC 163	Kết chuyển chi ăn ca khối QLDN 64214 → 911	911	42.612.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

3.2.2.1. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:

Là một công ty có uy tín lớn trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh.

➤ Tỷ lệ chiết khấu:

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra những tỷ lệ (%) chiết khấu phù hợp. Thông thường tỷ lệ chiết khấu thanh toán là từ 0,5% → 2% trên tổng giá thanh toán.

Khi xây dựng *tỷ lệ chiết khấu*, công ty cần chú ý một số điểm sau:

+ Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

+ Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp được thiệt hại cho việc giảm lợi nhuận hay không ?

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 635 - " Chi phí tài chính "

Tài khoản cấp 2: *TK 6351 - "Chiết khấu thanh toán cho khách hàng"*

➤ Phương pháp hạch toán:

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 6351 - "Chiết khấu thanh toán cho khách hàng"

Nợ TK 6351 - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có các TK 131, 111, 112, . .

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 9112

Nợ TK 9112 - Kết quả từ hoạt động tài chính

KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Lan Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Quản trị tài chính doanh nghiệp - TS Võ Đăng Nam
- 4/ Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng - Nhà xuất bản thống kê
- 5/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2010 của Công ty cổ phần Bao bì Bim Sơn
- 6/ Khóa luận của các khóa 8, 9 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
3	KH TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	TK	Tài khoản
6	SP, VT	Sản phẩm, vật tư
7	Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng	Công ty trách nhiệm hữu hạn đóng tàu PTS Hải Phòng
8	HC	Hoán cải
9	SC	Sửa chữa
10	ĐM	Đóng mới
11	VP	Văn phòng
12	CCDC	Công cụ dụng cụ
13	CN	Chi nhánh
14	VNĐ	Việt Nam đồng
15	CP	Chi phí
16	CP SXKD	Chi phí sản xuất kinh doanh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	8
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:	8
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:	11
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:.....	12
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	14
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	15
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	15
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	15
1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	24
1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	26
1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	28
1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí.....	30
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	30
1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	36
1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính	40
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác:.....	42
1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	43
1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	46

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	48
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:	48
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái	49
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:.....	50
1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:	51
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:	52
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG	53
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:	53
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:	53
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty:.....	54
2.1.3. Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của Công ty đóng tàu PTS Hải Phòng.	55
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:.....	58
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:.....	58
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:	59
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng	62
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:	62
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	62
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	70
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp:	75

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	75
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	82
2.2.2.3. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp:	94
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	100
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG.....	107
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:.....	107
3.1.1. Kết quả đạt được:	107
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:.....	107
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	107
3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin:.....	109
3.1.2. Hạn chế:.....	109
3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng:	109
3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng:.....	109
3.1.2.3. Về việc chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:	110
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:.....	110
3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:	110
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng:.....	111
3.2.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng:	111
3.2.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng:.....	111
3.2.2.3. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:	120
KẾT LUẬN.....	121
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	123